

CHÍNH PHỦ

Số: 299/BC-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Việc thực hiện Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về hoạt động chất vấn tại phiên họp thứ 9 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV

Kính gửi: Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Thực hiện Kế hoạch số 743/KH-UBTVQH15 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) về việc xem xét việc thực hiện một số nghị quyết của UBTVQH về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đến hết năm 2023, Chính phủ báo cáo việc thực hiện Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 9 của UBTVQH khóa XV (Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15) lĩnh vực tài nguyên và môi trường như sau:

A. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ CÔNG TÁC TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 499/NQ-UBTVQH15

Trong số các Nghị quyết của UBTVQH về giám sát chuyên đề và chất vấn từ đầu nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đến hết năm 2023, có 01 nghị quyết giao nhiệm vụ liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể như sau:

Theo Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15, liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường được giao thực hiện các nhiệm vụ như sau:

Tiếp tục thực hiện tốt các nghị quyết của Quốc hội trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Tập trung xây dựng, hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội dự án Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) và các luật có liên quan bảo đảm căn cứ chính trị, phù hợp với thực tiễn để thống nhất trong điều chỉnh các quan hệ về đất đai, tài sản gắn liền với đất, giao dịch quyền sử dụng đất, các quy định về hợp đồng khi mua bán, chuyển nhượng, hứa mua, hứa bán về đất đai, quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai. Hoàn thiện chính sách điều tiết các nguồn thu từ đất, các quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư. Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan khẩn trương rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật có liên quan; nhất là các quy định liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện tham gia đấu giá, việc xác định giá khởi điểm, tỷ lệ tiền đặt trước, tiền đặt cọc khi tham gia đấu giá, thời hạn nộp tiền trúng đấu giá, việc xử lý khi cuộc đấu giá có dấu hiệu bất thường; có chế tài đủ mạnh để ngăn chặn, xử lý các trường hợp trúng thầu, trúng

đầu giá nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết. Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, xử lý nghiêm các sai phạm theo quy định của pháp luật.

Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả các chỉ tiêu sử dụng đất đã được Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã phân bổ cho từng địa phương, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, tỷ lệ che phủ rừng và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Việc lựa chọn nhà đầu tư hạ tầng khu công nghiệp phải gắn với năng lực thực hiện. Kiên quyết thu hồi đất của các nhà đầu tư hạ tầng không có năng lực, để chậm tiến độ nhằm sử dụng có hiệu quả đất khu công nghiệp để tạo môi trường đầu tư lành mạnh. Khẩn trương hoàn thành quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 (trong đó, quan tâm rà soát, phân bổ chỉ tiêu đất ở phải phù hợp với nhu cầu sử dụng đất gắn với xây dựng nhà ở, tránh lãng phí đất, lãng phí nguồn lực xã hội đầu tư vào đất), kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh 5 năm 2021-2025 trước 31 tháng 12 năm 2022. Công khai, minh bạch thông tin quy hoạch sử dụng đất. Tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với kiểm tra, kiểm soát, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước về đất đai, nhất là trong khâu lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất, không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm. Giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, xử lý nghiêm tình trạng lãng phí đất đai, đất được giao, cho thuê nhưng chậm đưa vào sử dụng, các hành vi cố ý gây ô nhiễm, làm hủy hoại đất, thoái hóa đất; có chính sách hỗ trợ người dân phục hồi đất hoang hóa, đất bị thoái hóa do ảnh hưởng của quá trình sản xuất. Hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về đất đai.

Triển khai thực hiện tốt Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, có chính sách khuyến khích sử dụng công nghệ xanh, hạn chế xả thải ra môi trường, kiểm soát chặt chẽ các nguồn nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường, phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trong năm 2022. Quan tâm đầu tư, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (kể cả nguồn lực xã hội hóa) cho công tác thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn sinh hoạt (CTRSH) (rác thải); tăng cường năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo về môi trường. Thúc đẩy xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải và rác thải. Chú trọng giải pháp, phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nhựa, chất thải y tế, nhất là chất thải lây nhiễm phát sinh từ hoạt động phòng, chống dịch COVID-19. Năm 2022, ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn xử lý rác thải để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện. Ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý, tái chế thân thiện môi trường, công nghệ xử lý chất thải rắn thu hồi năng lượng, giảm dần việc xử lý chất thải bằng phương pháp chôn lấp. Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, nhất là trong lĩnh vực quản lý rác thải, thực hiện phân loại rác thải tại nguồn.

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện các quy định về xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, đặc biệt là chế tài xử lý vi phạm. Nâng cao hiệu quả

của hoạt động kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, đấu tranh phòng, chống tội phạm về môi trường, tập trung vào các nhóm đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Có cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt, như lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Bắc Hưng Hải...

B. VIỆC THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 499/NQ-UBTVQH15

Ngay sau khi UBTVQH ban hành Nghị quyết, liên quan đến lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài nguyên và Môi trường (Bộ TN&MT) ban hành Quyết định số 1417/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 7 năm 2022 về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã chỉ đạo Bộ TN&MT bám sát các nhiệm vụ được giao, thường xuyên kiểm tra, chỉ đạo các đơn vị, cơ quan liên quan về tình hình thực hiện các nhiệm vụ và đạt được nhiều kết quả tích cực.

I. VỀ LĨNH VỰC ĐẤT ĐAI

1. Về nội dung tập trung xây dựng, hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội dự án Luật Đất đai (sửa đổi), bảo đảm căn cứ chính trị, phù hợp với thực tiễn để thống nhất trong điều chỉnh các quan hệ về đất đai, tài sản gắn liền với đất, giao dịch quyền sử dụng đất, các quy định về hợp đồng khi mua bán, chuyển nhượng, hứa mua, hứa bán về đất đai, quản lý chặt chẽ và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất đai

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, dự thảo Luật Đất đai đã được Quốc hội khóa XV biểu quyết thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ 5 và ngày 01 tháng 02 năm 2024, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 01/L-CTN công bố Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Về nội dung phối hợp với các bộ, ngành có liên quan khẩn trương rà soát, kiến nghị sửa đổi, bổ sung Luật Đấu giá tài sản và các văn bản pháp luật có liên quan; nhất là các quy định liên quan đến đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện tham gia đấu giá, việc xác định giá khởi điểm, tỷ lệ tiền đặt trước, tiền đặt cọc khi tham gia đấu giá, thời hạn nộp tiền trúng đấu giá, việc xử lý khi cuộc đấu giá có dấu hiệu bất thường; có chế tài đủ mạnh để ngăn chặn, xử lý các trường hợp trúng thầu, trúng đấu giá nhưng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT đã phối hợp với Bộ Tư pháp rà soát, góp ý đối với dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản. Ngày 28 tháng 3 năm 2024, Bộ TN&MT có Công văn số 1973/BTNMT-QHPTQĐ gửi Thường trực Ủy ban Kinh tế của Quốc hội có ý kiến một số nội dung có liên quan: về tài sản đấu giá (Điều 4); về tiền đặt trước và xử lý tiền đặt trước (Điều 39); về đấu giá trực tuyến (Điều 43a và Điều 43b); về đấu giá không thành (Điều 52); về đấu giá theo trình tự thủ tục rút gọn (Điều 53); xử lý vi phạm đối với người tham gia đấu giá, người trúng đấu giá, cá nhân, tổ chức có liên quan (Điều 70); đấu giá bằng bỏ phiếu trực tiếp tại cuộc đấu giá (Điều 42) và đấu giá bằng bỏ

phiếu gián tiếp (Điều 43); về rút lại giá đã trả, giá đã chấp nhận (Điều 50) theo đề nghị tại Công văn số 2634/UBKT15 ngày 18 tháng 3 năm 2024 của Ủy ban Kinh tế.

3. Hoàn thiện chính sách điều tiết các nguồn thu từ đất, các quy định về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư

a) Kết quả đạt được

Công tác hoàn thiện chính sách bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được quy định tại Luật Đất đai năm 2024 nhằm thể chế đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã được nêu tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao cụ thể:

“Việc thu hồi đất phải tuân thủ Hiến pháp và pháp luật; chỉ được thực hiện sau khi phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt. Đối với trường hợp thu hồi đất mà phải bố trí tái định cư thì phải hoàn thành bố trí tái định cư trước khi thu hồi đất. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phải đi trước một bước, bảo đảm công khai, minh bạch, hài hoà lợi ích của Nhà nước, người có đất bị thu hồi và nhà đầu tư theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; có quy định cụ thể về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để sau khi thu hồi đất thì người dân có đất bị thu hồi phải có chỗ ở, bảo đảm cuộc sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ. Thực hiện có hiệu quả việc đào tạo nghề, tạo việc làm, tổ chức lại sản xuất, ổn định đời sống cho người có đất bị thu hồi. Tiếp tục thực hiện thí điểm và sớm tổng kết chủ trương tách dự án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư ra khỏi dự án đầu tư để thực hiện trước.

Quy định cụ thể hơn về thẩm quyền, mục đích, phạm vi thu hồi đất, điều kiện, tiêu chí cụ thể việc Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.”

Trên cơ sở Nghị quyết số 18-NQ/TW, Luật Đất đai năm 2024 đã có nhiều quy định mới để khắc phục những tồn tại bất cập đã được chỉ ra trong quá trình thi hành Luật Đất đai năm 2013, cụ thể:

Chương VI. Thu hồi đất, trưng dụng đất (gồm 13 điều, từ Điều 78 đến Điều 90):

Điều 79 của Luật đã quy định cụ thể 31 trường hợp Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, Nhà nước thu hồi đất trong trường hợp này phải là các dự án: (1) xây dựng công trình công cộng; (2) xây dựng trụ sở cơ quan nhà nước, công trình sự nghiệp; (3) các trường hợp khác, bao gồm nhiều nhóm tiêu chí như: nhà ở, khu sản xuất, phát triển quỹ đất, khoáng sản, công trình ngầm và các trường hợp Nhà nước thu hồi đất để đấu giá, đấu thầu nhằm tăng thu ngân sách.... Với 31 trường hợp cụ thể Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng đã cơ bản bao quát các

trường hợp cần thiết phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Tuy nhiên, để bảo đảm cho trường hợp thực sự cần thiết thu hồi đất phát sinh nhưng chưa có trong quy định của Luật này, tại khoản 32 Điều 79 đã quy định trường hợp khác thì Quốc hội sửa đổi, bổ sung các trường hợp thu hồi đất của Điều này theo trình tự, thủ tục rút gọn.

Quy định cụ thể căn cứ, điều kiện thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng; bổ sung, quy định cụ thể hơn một số trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai; bổ sung một số trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất cho đầy đủ như thu hồi đất do bị thu hồi rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, thu hồi đất trong trường hợp chấm dứt dự án đầu tư... Quy định cụ thể trường hợp thu hồi đất liên quan đến quốc phòng, an ninh

Phân cấp cho Ủy ban nhân dân (UBND) cấp huyện quyết định thu hồi đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng mà không phân biệt theo đối tượng sử dụng đất như Luật Đất đai năm 2013. Quy định trường hợp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là tài sản công thuộc các trường hợp thu hồi đất theo quy định của Luật này thì không phải thực hiện việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

Tại Điều 87 Luật Đất đai cũng đã quy định cụ thể về trình tự, thủ tục thu hồi đất để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng với nhiều điểm mới, bảo đảm dân chủ, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, kịp thời và đúng quy định của pháp luật; vì sự phát triển bền vững, văn minh và hiện đại của cộng đồng, của địa phương. Quy định rõ hiệu lực của thông báo thu hồi đất là 12 tháng tính từ ngày ban hành thông báo thu hồi đất để người dân biết, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Chương VII. Bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất (gồm 21 điều, từ Điều 91 đến Điều 111)

Chương VII của Luật đã kế thừa các quy định đã được thực tiễn chứng minh là phù hợp đồng thời sửa đổi bổ sung các quy định:

- Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc bồi thường theo hướng đa dạng các hình thức bồi thường về đất, hộ gia đình, cá nhân có đất bị thu hồi được bồi thường bằng đất có cùng mục đích với đất bị thu hồi hoặc bằng tiền, bằng đất khác hoặc bằng nhà ở phù hợp với nhu cầu của người có đất bị thu hồi và quỹ đất của từng địa phương.

- Cụ thể hóa nguyên tắc “có chỗ ở, đảm bảo thu nhập và điều kiện sống bằng hoặc tốt hơn nơi ở cũ” thông qua quy định tiêu chí khu tái định cư về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, địa điểm thực hiện tái định cư... Khu tái định cư có thể bố trí cho một hoặc nhiều dự án. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phần diện tích còn

lại của thửa đất sau khi thu hồi nhỏ hơn diện tích tối thiểu, nếu người sử dụng đất đồng ý thu hồi đất thì UBND cấp có thẩm quyền quyết định thu hồi đất và thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, quản lý diện tích đất này theo quy định của pháp luật.

- Quy định cụ thể và mở rộng về thành phần Hội đồng bồi thường, hỗ trợ, tái định cư với sự tham gia của đại diện Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, đại diện của người sử dụng đất có đất bị thu hồi... để đảm bảo sự khách quan, minh bạch, sự tham gia của các bên liên quan trong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

- Quan tâm đến đối tượng chính sách xã hội, đối tượng trực tiếp sản xuất nông nghiệp; các bước thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, thu hồi đất đảm bảo nguyên tắc có sự tham gia của người dân ở các giai đoạn, đảm bảo nguyên tắc người có đất bị thu hồi được bồi thường, tái định cư trước khi thu hồi đất... để người dân có đất bị thu hồi phải có chỗ ở, bảo đảm cuộc sống bằng hoặc tốt hơn. Luật cũng đã quan tâm để chủ sở hữu tài sản mà không đồng thời là chủ sử dụng đất, người bị ảnh hưởng bởi việc thu hồi đất được biết khi Nhà nước thu hồi đất.

b) Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại nghị quyết và trách nhiệm của người đứng đầu

Những vấn đề còn tồn tại đã được đánh giá, tổng kết khi tiến hành xây dựng Luật Đất đai năm 2024. Do vậy, các vấn đề tồn tại sẽ tiếp tục được theo dõi, xử lý trong quá trình thi hành Luật Đất đai.

c) Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

Mặc dù các nhiệm vụ được giao đã được hoàn thành nhưng trong thời gian tới cần tiếp tục trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

4. Kiên quyết thu hồi đất của các nhà đầu tư hạ tầng không có năng lực, để chậm tiến độ nhằm sử dụng có hiệu quả đất khu công nghiệp để tạo môi trường đầu tư lành mạnh

a) Kết quả đạt được

Để hoàn thiện quy định của pháp luật liên quan đến công tác lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất, Luật Đất đai năm 2024 đã bổ sung quy định cụ thể các trường hợp: giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (Điều 124), đấu giá quyền sử dụng đất (Điều 125), đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất (Điều 126). Tuy nhiên, hiện nay chính sách, pháp luật đất đai hiện hành khuyến khích đầu tư tại mục III Phần A Phụ lục II của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy

định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư thì “Xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu chức năng trong khu kinh tế.” thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Mặt khác, tại điểm a và điểm k khoản 1 Điều 19 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

“1. Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước cho cả thời hạn thuê trong các trường hợp sau:

a) Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư được đầu tư tại địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

k) Đất xây dựng kết cấu hạ tầng sử dụng chung trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Đất đai.”

Do đó, các nhà đầu tư khu công nghiệp được giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất theo quy định tại Điều 14b Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi bởi Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ) và khoản 1 Điều 124 của Luật Đất đai năm 2024.

Về chế tài để thu hồi đất đối với nhà đầu tư hạ tầng không có năng lực, đề chậm tiến độ đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 81 và điểm d khoản 1 Điều 82 của Luật Đất đai năm 2024 như sau:

“Điều 81. Các trường hợp thu hồi đất do vi phạm pháp luật về đất đai

8. Đất được Nhà nước giao, cho thuê, cho phép chuyển mục đích sử dụng, công nhận quyền sử dụng đất, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư mà không được sử dụng trong thời hạn 12 tháng liên tục kể từ khi nhận bàn giao đất trên thực địa hoặc tiến độ sử dụng đất chậm 24 tháng so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư; trường hợp không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất so với tiến độ ghi trong dự án đầu tư thì chủ đầu tư được gia hạn sử dụng không quá 24 tháng và phải nộp bổ sung cho Nhà nước khoản tiền tương ứng với mức tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với thời gian được gia hạn; hết thời hạn được gia hạn mà chủ đầu tư vẫn chưa đưa đất vào sử dụng thì Nhà nước thu hồi đất mà không bồi thường về đất, tài sản gắn liền với đất và chi phí đầu tư vào đất còn lại.”

“Điều 82. Thu hồi đất do chậm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự

nguyên trả lại đất, có nguy cơ đe dọa tính mạng con người, không còn khả năng tiếp tục sử dụng

1. Các trường hợp thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật bao gồm:

a) Thu hồi đất trong trường hợp chấm dứt dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;”

Như vậy, pháp luật đã có đủ các quy định để xử lý các vấn đề liên quan đến dự án khu công nghiệp. Tuy nhiên, tình trạng lãng phí đất đai liên quan đến các dự án chậm tiến độ là vấn đề được Quốc hội và cử tri thường xuyên quan tâm và vẫn diễn ra trên thực tế. Nguyên nhân chủ yếu là do một số địa phương do yêu cầu về việc thu hút đầu tư đã “trải thảm đỏ” để kêu gọi các nhà đầu tư mà thiếu sự sàng lọc các nhà đầu tư kém năng lực từ khâu chấp thuận đầu tư, giao đất...

b) Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết và trách nhiệm của người đứng đầu

Về lựa chọn nhà đầu tư, hiện nay nhiều dự án khu công nghiệp có nhiều nhà đầu tư quan tâm nhưng chưa có quy định của pháp luật ngành, lĩnh vực thuộc lĩnh vực đầu tư quy định việc đấu thầu khi có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm để tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất nên dẫn đến tình trạng giao đất, cho thuê đất không đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất cho nhà đầu tư.

Việc thu hồi đất đối với các dự án khu công nghiệp còn hạn chế do diện tích đất khu công nghiệp lớn, trách nhiệm của nhà đầu tư chỉ dừng lại ở việc đầu tư xây dựng hạ tầng khu công nghiệp; các dự án khu công nghiệp thường được thực hiện theo phân kỳ tiến độ nên việc thanh tra, kiểm tra để xác định diện tích đất chậm tiến độ để thu hồi cả dự án gặp khó khăn.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Lĩnh vực đầu tư hạ tầng khu công nghiệp là lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư nên được các địa phương quan tâm thu hút các nhà đầu tư.

Thảm quyền, trách nhiệm báo cáo liên quan đến việc lựa chọn nhà đầu tư và xử lý các nhà đầu tư chậm tiến độ thực hiện được phân cấp cho chính quyền địa phương nên đòi hỏi sự quyết liệt của chính quyền địa phương.

d) Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

Tiếp tục phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư hoàn thiện quy định của pháp luật về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án hạ tầng khu công

nghiệp, theo đó cần xem xét sửa đổi Nghị định của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế theo hướng: bổ sung thủ tục mời quan tâm và quy định về tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất nếu có từ 2 nhà đầu tư quan tâm.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ TN&MT và các địa phương cần tăng cường công tác thanh tra kiểm tra, xử lý đối với các chủ đầu tư khu công nghiệp chậm tiến độ thực hiện dự án đầu tư, chậm tiến độ sử dụng đất.

5. Khẩn trương hoàn thành quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 (trong đó, quan tâm rà soát, phân bổ chỉ tiêu đất ở phải phù hợp với nhu cầu sử dụng đất gắn với xây dựng nhà ở, tránh lãng phí đất, lãng phí nguồn lực xã hội đầu tư vào đất), kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh 5 năm 2021-2025 trước 31 tháng 12 năm 2022. Công khai, minh bạch thông tin quy hoạch sử dụng đất

a) Kết quả đạt được

- Các biện pháp, giải pháp đã triển khai thực hiện:

+ Về Quy hoạch tỉnh:

Theo quy định của Luật Quy hoạch: UBND cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tỉnh (Khoản 4, Điều 14); Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định quy hoạch tỉnh (Khoản 2 Điều 29); Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh (Khoản 2 Điều 34).

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 32, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch thì Bộ TN&MT có trách nhiệm góp ý bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ những nội dung liên quan đến đất đai trong quy hoạch tỉnh.

Về phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, theo quy định tại khoản 7 Điều 28 Nghị định số 37/2019/NĐ-CP cơ quan lập quy hoạch tỉnh phải xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất, bao gồm chỉ tiêu sử dụng đất do quy hoạch sử dụng đất quốc gia phân bổ và chỉ tiêu sử dụng đất theo nhu cầu sử dụng đất cấp tỉnh, trong đó có chỉ tiêu sử dụng đất ở nông thôn và đất ở đô thị; tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện.

Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tỉnh của 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thời kỳ 2021-2030.

+ Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030:

Thực hiện Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 9 năm 2019 của UBTVQH và Nghị quyết 61/2022/QH15 của Quốc hội về tiếp tục tăng cường

hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ lập và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, trong đó cho phép lập đồng thời các quy hoạch theo quy định của Luật Quy hoạch và các luật, pháp lệnh khác có quy định về quy hoạch; tập trung ưu tiên lập quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng. Quy hoạch được lập, thẩm định xong trước thì được quyết định hoặc phê duyệt trước. Do đó, đến nay đã có 655/657 đơn vị cấp huyện đã được phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 (trừ 47 quận đã có quy hoạch đô thị).

Về điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030: Công tác lập, thẩm định và phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030, thực hiện theo khoản 1 Điều 11 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ (được sửa đổi bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ) và Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, UBND các tỉnh đã chỉ đạo triển khai lập, thẩm định và phê duyệt hồ sơ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 để đảm bảo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, đất đai; một số tỉnh đã hoàn thành điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 như: tỉnh Thanh Hóa (đã phê duyệt được 27/27 huyện, thị xã, thành phố, đạt 100%), Yên Bái, Phú Yên. Các tỉnh/thành phố còn lại đang triển khai thực hiện.

+ Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 05 năm 2021-2025:

Thực hiện Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch; kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 05 năm 2021-2025 là kế hoạch thực hiện quy hoạch. Trên cơ sở quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh. Có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cấp tỉnh theo quy định. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tỉnh của 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ TN&MT đã nhận được hồ sơ thẩm định kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của 25 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định cho 16 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đủ điều kiện theo quy định. Còn 38 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa gửi hồ sơ trình thẩm định do chưa được phê duyệt quy hoạch tỉnh và phải rà soát, hoàn thiện theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

+ Kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh 05 năm 2021-2025 trước 31 tháng 12 năm 2022:

Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 do Bộ Công an tổ chức lập, thẩm định và trình phê duyệt theo quy định của pháp luật về quy hoạch và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số

95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023. Quy hoạch sử dụng đất quốc phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 47/QĐ-TTg ngày 09 tháng 5 năm 2024. Các quy hoạch đã có phân kỳ thực hiện đến năm 2025.

+ Về công tác phối hợp quản lý, sử dụng đất đai, nhất là việc quản lý, điều hành, thị trường bất động sản

Bộ TN&MT đã phối hợp với Bộ Tư pháp, các Bộ, ngành có liên quan và địa phương rà soát: 206 văn bản, gồm 01 Bộ luật, 94 Luật; 17 Nghị định; 05 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 01 Nghị quyết liên tịch; 02 Quyết định Bộ trưởng; 73 Thông tư; 13 Thông tư liên tịch có liên quan đến pháp luật về đất đai. Kết quả đã được Bộ Tư pháp tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ theo đúng chỉ đạo.

Bên cạnh đó, để tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai nhằm tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, đăng ký, cấp giấy chứng nhận, thu hồi, bồi thường giải phóng mặt bằng, Bộ TN&MT đã tập trung chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện góp ý sửa đổi, bổ sung một số điều của một số văn bản quy phạm pháp luật sau:

. Tham gia ý kiến về dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư (sửa đổi, bổ sung Điều 23 Luật Nhà ở), Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự; hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi).

. Tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản thay thế Nghị định số 76/2015/NĐ-CP, Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP hướng dẫn Luật Nhà ở; Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 101/2015/NĐ-CP của Chính phủ; Thông tư hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP; Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng; Nghị định cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư.

Kết quả của các nhiệm vụ đã kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý sử dụng đất nói chung và những vấn đề liên quan đến chính sách nhà ở và thị trường bất động sản nói riêng, tiêu biểu phải kể đến như hoàn thành và trình Quốc hội quyết định Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021-2025; thường xuyên, liên tục chỉ đạo đẩy mạnh công tác cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đã tạo điều kiện cho các bất động sản được tham gia vào thị trường (Tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận lần đầu đạt trên 97,36% tổng diện tích các loại đất cần cấp); kịp thời chỉ đạo,

kiểm soát tình trạng sốt đất ở một số địa phương, các biện pháp tháo gỡ vướng mắc trong việc cấp giấy chứng nhận tại các dự án phát triển nhà ở, góp phần phát triển kinh tế và trật tự xã hội...

- Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp, giải pháp:

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Nghị quyết số 499/NQ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2022 về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 9, trong đó có nội dung: “*Khẩn trương hoàn thành quy hoạch tỉnh và quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 (trong đó, quan tâm rà soát, phân bổ chỉ tiêu đất ở phải phù hợp với nhu cầu sử dụng đất gắn với xây dựng nhà ở, tránh lãng phí đất, lãng phí nguồn lực xã hội đầu tư vào đất), kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh 5 năm 2021-2025 trước 31 tháng 12 năm 2022*” và Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội khóa XV về việc tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch và một số giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ và nâng cao chất lượng quy hoạch thời kỳ 2021-2030, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 108/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2022 thực hiện Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Quốc hội khóa XV; chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 315/TTg-NN ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030; Bộ TN&MT đã có nhiều văn bản¹ chỉ đạo, đôn đốc UBND cấp tỉnh:

“- *Khẩn trương hoàn thiện Kế hoạch sử dụng đất 5 năm (2021-2025) cấp tỉnh gửi Bộ Tài nguyên và Môi trường để tổ chức thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai, đảm bảo phù hợp Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 và Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt; việc sử dụng đất phải thực hiện đúng, đầy đủ theo các quy định của pháp luật; tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với kiểm tra, kiểm soát, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước về đất đai, nhất là trong khâu lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất, không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lợi ích. Thành phần hồ sơ và cách thức đăng tải hồ sơ đã được Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất hướng dẫn tại Công văn số 1470/QHPTTĐ-PQHĐĐ ngày 19 tháng 7 năm 2023.*

- *Tổ chức rà soát quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022*

¹ Công văn số 4707/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022; Công văn số 4898/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022; Công văn số 59/BTNMT-CQHPTTĐ ngày 06 tháng 01 năm 2023; Công văn số 294/BTNMT-QHPTTĐ ngày 30 tháng 01 năm 2023; Công văn số 1373/BTNMT-QHPTTĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023; Công văn số 1708/BTNMT-QHPTTĐ ngày 17 tháng 3 năm 2023; Công văn số 923/BTNMT-QHPTTĐ ngày 07 tháng 02 năm 2024.

của Quốc hội Khóa XV”.

- Kết quả đạt được cụ thể:

+ Về Quy hoạch tỉnh: Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tỉnh của 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030.

+ Quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030: đến nay đã có 655/657 đơn vị cấp huyện đã được phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 (trừ 47 quận đã có quy hoạch đô thị).

+ Kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 05 năm 2021-2025: Đến nay, Bộ TN&MT đã nhận được hồ sơ thẩm định kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của 25 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định cho 16 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đủ điều kiện theo quy định. Còn 38 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa gửi hồ sơ trình thẩm định do chưa được phê duyệt quy hoạch tỉnh và phải rà soát, hoàn thiện theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại nghị quyết và trách nhiệm của người đứng đầu.

Tiến độ phê duyệt quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh còn chậm so với yêu cầu của Nghị quyết.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Theo quy định, kế hoạch sử dụng đất phải đảm bảo phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt; việc lập, thẩm định quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh của một số địa phương còn chậm nên ảnh hưởng đến tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh 05 năm (2021-2025).

d) Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Luật sửa đổi 37 luật có liên quan tới quy hoạch), Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; điểm c khoản 2 Điều 45 Luật Quy hoạch quy định kế hoạch sử dụng đất là nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch. Như vậy, theo quy định của pháp luật về quy hoạch, pháp luật về đất đai, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tỉnh và phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh. Mặt khác Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2025, kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021; Thủ tướng Chính phủ đã phân bổ chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia đến năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 và điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu tại Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2024. Do vậy, để đẩy nhanh quá trình phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05

năm (2021-2025) cấp tỉnh theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, Bộ TN&MT đang xây dựng hồ sơ báo cáo Chính phủ trình Quốc hội ban hành Nghị quyết phân cấp thẩm quyền quy định tại điểm b khoản 2 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Luật sửa đổi 37 Luật có liên quan tới quy hoạch) cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

6. Tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với kiểm tra, kiểm soát, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước về đất đai, nhất là trong khâu lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất, không để xảy ra tình trạng tham nhũng, tiêu cực, lợi ích nhóm

a) Kết quả đạt được

- Các biện pháp, giải pháp đã triển khai thực hiện:

Theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản quy định chi tiết thi hành, cơ bản công tác quản lý đất đai đã được phân cấp cho các địa phương tổ chức thực hiện. Các cơ quan trung ương chủ yếu tập trung vào việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật, quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia, thực hiện quyền giám sát, thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại tố cáo. Đối với các địa phương được phân cấp thực hiện chủ động quyết định về giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất; thu hồi đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; cấp giấy chứng nhận; quyết định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tại địa phương; ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền; quyết định thanh tra, kiểm tra, giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm pháp luật đất đai.

Về cơ bản, các quy định phân cấp quản lý nhà nước trong việc thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai giữa Trung ương và địa phương đã được các địa phương thực hiện tương đối thống nhất và có hiệu quả, nâng cao tính chủ động cho chính quyền địa phương trong quản lý, sử dụng nguồn lực đất đai ở địa phương, cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong việc thực hiện các thủ tục hành chính, góp phần giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn các yêu cầu của tổ chức và nhân dân; đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư tại các địa phương.

- Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp, giải pháp:

+ Ngày 01 tháng 7 năm 2022, Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 1417/QĐ-BTNMT về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của UBTVQH về hoạt động chất vấn tại phiên họp thứ 9 của UBTVQH khóa XV; trong đó, tại mục 5 của Kế hoạch đã nêu nội dung về: “Tăng cường phân công, phân cấp đi đôi với kiểm tra, kiểm soát, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý Nhà nước về đất đai, nhất là trong khâu lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất” giao cho các đơn vị liên quan trực thuộc Bộ TN&MT thực hiện trong năm 2022.

+ Kết quả công tác thanh tra, kiểm tra để kiểm soát, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước về đất đai của Bộ TN&MT trong năm 2022 và 2023 khi tổ chức thực hiện việc triển khai Kế hoạch số 1417/QĐ-BTNMT ngày 01 tháng 7 năm 2022 như sau:

. Năm 2022: Các đơn vị thuộc Bộ đã triển khai thực hiện 04 cuộc kiểm tra đối với 65 tổ chức trong lĩnh vực đất đai cụ thể như sau: Kiểm tra chuyên mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng để thực hiện các dự án được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận từ năm 2015 đến nay tại tỉnh Bình Thuận; kiểm tra trách nhiệm quản lý nhà nước công tác thu hồi đất; giá đất; bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; phát triển quỹ đất và đấu giá quyền sử dụng đất tại 02 tỉnh Ninh Thuận và thành phố Hải Phòng; kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật và xử lý các vi phạm đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng tại tỉnh Thái Nguyên và kiểm tra việc chấp hành chính sách, pháp luật và xử lý các vi phạm đối với đất đai có nguồn gốc từ các nông, lâm trường quốc doanh hiện do các công ty nông nghiệp, công ty lâm nghiệp không thuộc diện sắp xếp lại theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP, ban quản lý rừng và các tổ chức sự nghiệp khác, hộ gia đình, cá nhân sử dụng tại 10 tỉnh: Bắc Kạn, Cao Bằng, Hà Giang, Bình Phước, Đắk Nông, Kon Tum, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh và Ninh Bình;

. Năm 2023: Thực hiện 13 cuộc kiểm tra theo Kế hoạch tại 19 tỉnh ; trong đó có 06 tỉnh gồm: Bình Dương, Tây Ninh, Bà Rịa - Vũng Tàu và Đồng Nai, Lâm Đồng và Kiên Giang tổ chức tiến hành kiểm tra về việc quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; thực hiện việc điều tra, đánh giá tài nguyên đất; kết quả xử lý những công trình, dự án chậm; tình hình xây dựng bảng giá đất và tổng hợp kết quả ban hành bảng giá và 04 cuộc kiểm tra đột xuất tại 12 tỉnh (bao gồm: Nam Định, Thái Nguyên, Bắc Ninh, Hà Nam, Hải Dương, Hòa Bình, Lạng Sơn, Cao Bằng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bình Phước, Vĩnh Long và Hậu Giang (theo Văn bản số 4124/BTNMT-QHPTTND ngày 05 tháng 6 năm 2023 của Bộ TN&MT).

+ Về lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia và phân bổ chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia cho các địa phương:

Ngày 13 tháng 11 năm 2021, Quốc hội thông qua Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 và Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia kỳ đầu 2021 – 2025 tại Tờ trình số 39/2021/QH15. Trong quá trình tổ chức lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất quốc gia, Bộ TN&MT đã làm việc với các Bộ, ngành và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để xây dựng phương án quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, lấy ý kiến và trình thẩm định, báo cáo Quốc hội quyết định theo đúng quy định của Luật Quy hoạch. Trong đó quy hoạch,

kế hoạch sử dụng đất quốc gia đã được Bộ TN&MT tính toán, cân đối xác định chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15, Bộ TN&MT đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an. Trong đó, quan điểm phân bổ phải: Đảm bảo tuân thủ chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2030, kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 đã được Quốc hội quyết định, phù hợp với tiềm năng, thế mạnh, khả năng phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, địa phương; Bảo đảm quỹ đất cho các địa phương phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát huy tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương, đồng thời đảm bảo sử dụng đất tiết kiệm, hợp lý và hiệu quả; đưa diện tích đất chưa sử dụng vào khai thác, đặc biệt là diện tích đất đã giao nhưng chưa được sử dụng hiệu quả; Bảo vệ được diện tích đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng tại các khu vực xung yếu, khu vực bảo tồn, đặc dụng; bảo vệ được diện tích đất trồng lúa tại những khu vực phù hợp với đặc điểm sinh thái, tiềm năng của từng vùng, địa phương, có năng suất, chất lượng cao; phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất đảm bảo khách quan, khoa học, hợp lý.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 326/QĐ-TTg phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm (2021-2025) cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Xây dựng và trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 05 tháng 09 năm 2022 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 39/2021/QH15 của Quốc hội. Thực hiện việc công khai, minh bạch thông tin quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo tính đồng bộ, thống nhất về cơ sở dữ liệu, bản đồ trong hệ thống quy hoạch, bao gồm quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện và các quy hoạch ngành, lĩnh vực khác có liên quan.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025.

Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo tại Công điện số 360/CD-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 và Công điện số 1175/CD-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 về tháo gỡ khó khăn về chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các địa phương,

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TN&MT đã 08 lần ban hành văn bản gửi cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ và đề xuất tăng giảm của các địa phương, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để xây dựng nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí làm cơ sở điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 227/QĐ-TTg điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Công an.

+ Tổ chức thẩm định, góp ý kiến quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch cấp tỉnh, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương khẩn trương triển khai, hoàn thành việc lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021 - 2025 cấp tỉnh, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo tinh thần Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 và Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của UBTVQH và đảm bảo các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ cho các địa phương tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.

+ Về Kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) cấp tỉnh: Bộ TN&MT thành lập Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh, ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thẩm định kế hoạch sử dụng đất quốc phòng, kế hoạch sử dụng đất an ninh, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh tại Quyết định số 01/QĐ-HĐTĐ ngày 07 tháng 4 năm 2023. Bộ TN&MT đã ban hành Công văn số 2344/BTNMT-QHHPTTĐ ngày 06 tháng 4 năm 2023 đề nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét ban hành văn bản chỉ đạo UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khẩn trương hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất 2021-2025 cấp tỉnh gửi Bộ TN&MT tổ chức thẩm định theo quy định; hoàn thành việc lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đảm bảo đúng quy định của pháp luật về đất đai và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Công văn số 315/TTg-NN về việc lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021- 2025 cấp tỉnh và lập, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021-2030 ngày 27 tháng 4 năm 2023 gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trên cơ sở quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương lập kế hoạch sử dụng đất 05 năm 2021-2025 cấp tỉnh. Có 63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang hoàn thiện hồ sơ kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-

2025) cấp tỉnh theo quy định. Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quy hoạch tỉnh của 58 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Bộ TN&MT đã nhận được hồ sơ thẩm định kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) của 25 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định cho 16 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đủ điều kiện theo quy định. Còn 38 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chưa gửi hồ sơ trình thẩm định do chưa được phê duyệt quy hoạch tỉnh và phải rà soát, hoàn thiện theo quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

b) Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết và trách nhiệm của người đứng đầu.

- Thực tiễn cho thấy việc phân cấp cho các cơ quan Trung ương chỉ tập trung thực hiện các quyền về ban hành chính sách mà thiếu một số quyền liên quan đến trực tiếp tổ chức thi hành chính sách dẫn đến một số chính sách ban hành thiếu tính thực tế, tính khả thi không cao, gây khó khăn cho việc tổ chức thực hiện tại các địa phương;

- Ngược lại, việc phân cấp thẩm quyền mạnh cho địa phương cũng tạo áp lực cho các địa phương trong việc phải chịu trách nhiệm trước Đảng, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân trong việc thực hiện các quyền đại diện chủ sở hữu toàn dân về đất đai;

- Nhiều vụ việc địa phương có tâm lý ngại trách nhiệm không dám quyết định phải xin ý kiến chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan Trung ương dẫn đến gây chậm trễ thủ tục hành chính cho các tổ chức, cá nhân.

- Công tác thanh tra, kiểm tra trong công tác quản lý đất đai chưa thường xuyên, liên tục nên chưa phát hiện và ngăn chặn kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật đất đai trong công tác lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng cấp tỉnh, cấp huyện; công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; việc thực hiện giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá theo quy định của pháp luật.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Việc tổ chức thi hành pháp luật đất đai ở nhiều nơi còn chưa nghiêm, trong khi công tác thanh tra, kiểm tra, theo dõi thi hành pháp luật chưa thực sự có hiệu quả. Ở một số địa phương chưa quan tâm đúng mức, chỉ đạo cụ thể, sát sao và thường xuyên.

Hệ thống tổ chức, bộ máy quản lý, hệ thống thông tin đất đai chưa đảm bảo yêu cầu quản lý nhà nước thống nhất về đất đai, chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ quản lý nhà nước; cơ sở vật chất trang thiết bị còn thiếu và lạc hậu; cơ chế và nguồn lực đầu tư chưa tương xứng với yêu cầu đề ra.

d) Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những

nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

Luật Đất đai năm 2024 đã có những quy định cụ thể để khắc phục những hạn chế, nguyên nhân nêu trên như sau:

Làm rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu về đất đai. Phân cấp thẩm quyền gắn với kiểm soát, giám sát việc thực hiện, đảm bảo quản lý thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

Hoàn thiện quy định về theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất đai, trong đó quy định nội dung theo dõi và đánh giá, việc theo dõi và đánh giá, hệ thống theo dõi và đánh giá đối với quản lý, sử dụng đất; quy định về kiểm tra chuyên ngành đất đai là hoạt động được thực hiện thường xuyên, liên tục của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được giao nhiệm vụ quản lý đất đai, quy định kiểm toán về đất đai; quy định cụ thể trách nhiệm của Chủ tịch UBND từng cấp trong việc phát hiện, ngăn chặn và xử lý vi phạm pháp luật về quản lý đất đai.

Tiếp tục tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về đất đai, trong đó tập trung vào các nội dung như sau: Việc thực hiện thủ tục hành chính, việc quản lý và sử dụng đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp; các dự án không đưa đất vào sử dụng hoặc chậm tiến độ sử dụng đất; việc quản lý, sử dụng đất rừng, đất nông lâm trường, sử dụng đất sai mục đích, chuyển mục đích sử dụng đất rừng trái quy định của pháp luật; lập và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các vi phạm pháp luật đất đai.

7. Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, xử lý nghiêm các sai phạm theo quy định của pháp luật

Hàng năm, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT đều có kế hoạch thành lập các Đoàn thanh tra, kiểm tra liên quan đến lĩnh vực đất đai tại địa phương. Qua công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đã phát hiện các hành vi vi phạm về đất đai và đề xuất, xử lý nghiêm các sai phạm. Trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của các dự án chậm triển khai, để lãng phí đất đai, tăng cường thanh tra đột xuất giải quyết tình trạng những nhiễu nhiễu gây bức xúc trong nhân dân và dư luận.

Kết quả thực hiện: Trong năm 2023, toàn ngành tài nguyên và môi trường đã thực hiện 599 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 1.421 tổ chức, cá nhân; trong đó: Bộ TN&MT đã thực hiện 13 cuộc kiểm tra đối với 31 tổ chức; các Sở đã tiến hành 586 cuộc thanh tra, kiểm tra đối với 1.390 tổ chức, cá nhân.

Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện các vi phạm chủ yếu tập trung vào các nội dung: Sử dụng đất không đúng mục đích; không sử dụng đất hoặc tiến độ thực hiện chậm; lấn chiếm đất đai; chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất; chưa thực hiện thủ tục hành chính về đất đai; các hành vi khác. Căn cứ kết quả thanh tra, kiểm tra, các cơ quan có thẩm quyền đã xử phạt vi phạm hành chính 676 tổ chức,

cá nhân với số tiền 35.100 triệu đồng, kiến nghị truy thu 3.884 triệu đồng, thu hồi diện tích đất là 366 ha.

8. Giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, điều tra, xử lý nghiêm tình trạng lãng phí đất đai, đất được giao, cho thuê nhưng chậm đưa vào sử dụng, các hành vi cố ý gây ô nhiễm, làm hủy hoại đất, thoái hóa đất; có chính sách hỗ trợ người dân phục hồi đất hoang hóa, đất bị thoái hóa do ảnh hưởng của quá trình sản xuất

Thời gian qua, tại một số địa phương vẫn còn tình trạng nhiều dự án đầu tư được nhà nước giao đất, cho thuê đất nhưng không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng; công tác kiểm tra, đôn đốc, giám sát, xử lý đối với các dự án chậm triển khai, không đưa đất vào sử dụng tại địa phương còn chưa được chú trọng, còn ít và chưa hiệu quả; chế tài xử lý vi phạm còn yếu, chưa đủ sức răn đe; các giải pháp, biện pháp xử lý vi phạm còn chưa hiệu quả... gây lãng phí nguồn lực đất đai. Để chấn chỉnh thực trạng này, trong thời gian qua, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ TN&MT đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc quản lý sử dụng đất đai như: Chỉ thị số 01/CT-TTg ngày 03 tháng 01 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh, tăng cường công tác quản lý đất đai và xây dựng hệ thống thông tin đất đai; Văn bản số 1171/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Bộ TN&MT về kiểm tra rà soát các dự án, công trình không triển khai hoặc chậm đưa đất vào sử dụng; Văn bản số 352/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Bộ TN&MT về việc xử lý các dự án, công trình sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Công văn số 6118/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 31 tháng 10 năm 2022 của Bộ TN&MT về việc tăng cường kiểm tra xử lý các dự án, công trình không đưa đất vào sử dụng, chậm tiến độ sử dụng đất gửi UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Trong năm 2024, Chính phủ, Bộ TN&MT sẽ tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, thành lập các đoàn kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án chậm đưa đất vào sử dụng, không đưa đất vào sử dụng trên phạm vi toàn quốc nhằm giải phóng nguồn lực đất đai để phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Ngoài ra, chỉ đạo, đôn đốc các địa phương tăng cường kiểm tra, rà soát, giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án chậm đưa đất vào sử dụng, không đưa đất vào sử dụng trên phạm vi địa phương, đặc biệt là các dự án đã được giao đất, cho thuê đất nhưng đến nay vẫn chậm tiến độ sử dụng đất hoặc không đưa đất vào sử dụng.

9. Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả các chỉ tiêu sử dụng đất đã được Quốc hội thông qua, Thủ tướng Chính phủ đã phân bổ cho từng địa phương, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, tỷ lệ che phủ rừng và đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững của đất nước

a) Kết quả đạt được

- Các biện pháp, giải pháp đã triển khai thực hiện:

Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm (2021-2025) đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021; Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm (2021-2025) cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, Bộ TN&MT đã ban hành Công văn số 2133/BTNMT-TCQLĐĐ về việc tổ chức triển khai Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Trong quá trình tổ chức thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ, một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có văn bản đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và đề nghị điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025.

Thủ tướng Chính phủ đã kịp thời chỉ đạo tại Công điện số 360/CD-TTg ngày 02 tháng 5 năm 2023 về kết quả thực hiện chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất đã được giao; tổng hợp chỉ tiêu sử dụng đất cần điều chỉnh trong quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2025 và Công điện số 1175/CD-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2023 về tháo gỡ khó khăn về chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 của các địa phương,

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TN&MT đã 08 lần ban hành văn bản gửi cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tổng hợp kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất đã được phân bổ và đề xuất tăng giảm của các địa phương, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để xây dựng nguyên tắc, điều kiện, tiêu chí làm cơ sở điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022. Trong đó quán triệt nguyên tắc: Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất giữa các tỉnh đã phân bổ đến năm 2025 bảo đảm không vượt quá chỉ tiêu sử dụng đất quốc gia đến năm 2025 đã được Quốc hội phê duyệt; Đảm bảo quản lý chặt chẽ, giữ ổn định chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng, khu bảo tồn quốc gia, di sản quốc gia, di sản thế giới; Việc điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đảm bảo công bằng, công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả trên cơ sở cân bằng giữa nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, địa phương phù hợp với thực tiễn và đảm bảo vì mục tiêu phát triển chung của quốc gia; Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất trên cơ sở tổng hợp, cân đối nhu cầu sử dụng đất giai đoạn 2021 - 2025 của các địa phương đề xuất; kết quả thực hiện các chỉ tiêu sử dụng đất tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022; phân tích, đánh giá các xu thế chuyển dịch đất đai; Đảm bảo quỹ đất để triển khai các chương trình, công trình, dự án trọng điểm quốc gia; các dự án được bổ sung vốn đầu tư công; các dự án kết nối liên vùng; các dự án có tính lan tỏa, thúc đẩy phát triển. Các dự án đã và đang thực hiện thủ tục chấp thuận chủ

trương đầu tư để đưa nguồn lực đất đai vào khai thác sử dụng kịp thời, hiệu quả. Ưu tiên cho các địa bàn có tiềm năng, khả năng thu hút đầu tư được nhà đầu tư quan tâm cho phát triển sản xuất kinh doanh do việc đầu tư phát triển mới hệ thống hạ tầng; Điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất đã phân bổ tại các tỉnh chưa có nhu cầu sử dụng; điều chỉnh giảm đối với các tỉnh có kết quả thực hiện thấp hoặc chưa thực hiện để bổ sung cho các tỉnh có kết quả thực hiện cao và có nhu cầu cấp thiết. Việc điều chỉnh chỉ tiêu đã phân bổ đến năm 2025 giữa các địa phương được thực hiện linh hoạt để đáp ứng đủ quỹ đất cho các địa phương triển khai các công trình, dự án, khi có cơ hội thu hút đầu tư.

+ Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp, giải pháp;

Ngày 18 tháng 01 năm 2024, Bộ TN&MT đã có Tờ trình số 04/TTr-BTNMT điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022.

Ngày 12 tháng 3 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 227/QĐ-TTg điều chỉnh phân bổ một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Bộ Công an.

- Kết quả đạt được cụ thể:

+ Đảm bảo quản lý chặt chẽ, giữ ổn định chỉ tiêu đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng, rừng sản xuất là rừng tự nhiên bảo đảm tỷ lệ che phủ rừng theo đúng Nghị quyết số 39/2021/QH15 ngày 13 tháng 11 năm 2021 của Quốc hội.

+ Đáp ứng cơ bản nhu cầu sử dụng đất để các địa phương triển khai các chương trình, công trình, dự án trọng điểm quốc gia; các dự án được bổ sung vốn đầu tư công; các dự án kết nối liên vùng; các dự án có tính lan tỏa, thúc đẩy phát triển. Các dự án đã và đang thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư để đưa nguồn lực đất đai vào khai thác sử dụng kịp thời, hiệu quả.

b) Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết và trách nhiệm của người đứng đầu

Phương án điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất nêu trên nhằm đáp ứng thực hiện các công trình dự án trọng điểm, cấp bách cấp quốc gia nên chưa giải quyết triệt để các đề xuất của địa phương.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Qua quá trình tổ chức làm việc, khảo sát thực tế tại một số địa phương, nghiên cứu báo cáo, tài liệu, hồ sơ căn cứ pháp lý và kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phân bổ cho thấy kết quả thực hiện đạt tỷ lệ rất thấp nhưng vẫn đề xuất điều chỉnh bổ sung. Ngoài một số địa phương có nhu cầu cấp thiết thì việc đề xuất điều chỉnh nói chung của một số loại đất như đất khu công nghiệp, đất giao thông... còn mang tính kỳ vọng, chưa căn cứ vào kết quả thực hiện, tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp,

chuyển dịch đất đai gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, khả năng đáp ứng của hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, nguồn lực, khả năng thu hút đầu tư... Một số tỉnh do đã đưa nhu cầu sử dụng đất vào quy hoạch tỉnh, quy hoạch sử dụng đất cấp huyện nên đề xuất để đảm bảo đồng bộ nhưng chưa đủ các điều kiện để tổ chức thực hiện tại thời điểm hiện nay; chưa làm tốt công tác rà soát, thẩm định nhu cầu sử dụng đất trong việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất dẫn đến đề xuất nhu cầu sử dụng đất của địa phương lớn hơn rất nhiều so với thực tế là nguyên nhân dẫn đến tình trạng không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng ảnh hưởng đến quyền lợi của người sử dụng đất, gây lãng phí đất, nguồn lực xã hội đầu tư vào đất.

d) Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT đang tổ chức thực hiện nhiệm vụ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm (2021-2025) trên cơ sở tính toán, cân đối, đáp ứng nhu cầu sử dụng đất để phát triển kinh tế - xã hội của các bộ ngành, địa phương. Hiện nay, hồ sơ điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất quốc gia đang tổng hợp, hoàn thiện hồ sơ và báo cáo Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định.

10. Hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về đất đai

a) Kết quả đạt được

- Các biện pháp, giải pháp đã triển khai thực hiện:

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT đã ban hành các văn bản chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn, đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về đất đai theo đúng tinh thần Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

+ Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định về kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Trong đó, Bộ đã giao nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị có liên quan cũng như thời hạn hoàn thành nhiệm vụ làm căn cứ triển khai thực hiện.

+ Xây dựng hành lang pháp lý để xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thông tin quốc gia về đất đai trong Luật Đất đai năm 2024 và xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật như Nghị định, Thông tư kèm theo làm cơ sở triển khai các nhiệm vụ.

+ Tập trung chỉ đạo, đôn đốc, hướng dẫn các địa phương đẩy nhanh tiến độ hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai đảm bảo đến năm 2025 hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai ở các địa phương để kết nối, tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

+ Để đôn đốc và đẩy nhanh tiến độ nhiệm vụ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai, Bộ TN&MT đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Công

tác triển khai thực hiện và có văn bản gửi UBND các tỉnh, thành phố đề nghị báo cáo tiến độ và đề xuất nhu cầu hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương thực hiện nhiệm vụ, đề án do Bộ TN&MT quản lý. Trên cơ sở đó, kiến nghị, đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương cho các địa phương trong việc đo đạc lập bản đồ địa chính, kê khai, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhằm có đủ nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương (theo Nghị quyết 105/NQ/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2024).

+ Đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I)” để cung cấp phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin đất đai và hạ tầng công nghệ thông tin trong năm 2025 cho các địa phương theo mô hình cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất trong cả nước theo chỉ đạo của Ban chấp hành Trung ương Đảng Khóa XIII tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022.

+ Tổ chức kết nối, vận hành khai thác, cập nhật cơ sở dữ liệu đất đai phục vụ các hoạt động quản lý đất đai thường xuyên, chia sẻ thông tin đất đai cho các bộ, ngành và nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến về đất đai phục vụ người dân, doanh nghiệp.

+ Thực hiện tái cấu trúc quy trình; tích hợp, cung cấp dịch vụ công thiết yếu trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của Bộ, cấp tỉnh, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

+ Tiếp tục thực hiện công tác quản trị đất đai hiện đại dựa trên hệ thống thông tin đất đai thống nhất trong phạm vi cả nước nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về đất đai, hiện đại hóa công tác quản lý, dịch vụ công về đất đai và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số.

- Hoạt động chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp, giải pháp:

Thực hiện Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 và để thực hiện có hiệu quả các biện pháp, giải pháp nêu trên, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành tham mưu cho các cơ quan Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản chỉ đạo nhằm đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, hoàn thiện hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu về đất đai, cụ thể như:

+ Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và sử dụng đất, tạo động lực đưa nước ta trở thành nước phát triển có thu nhập cao” đã xác định mục tiêu đến năm 2025 “Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu số và hệ thống thông tin quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối liên thông”;

+ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã chỉ đạo UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực quản lý và sử dụng đất; xây dựng và hoàn thiện đúng tiến độ hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia;

+ Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2023 và Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2024 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2024. Trong đó, đã chỉ đạo: tổ chức tốt việc lấy ý kiến Nhân dân, tập trung tiếp thu, chỉnh lý, bảo đảm chất lượng, hoàn thiện, trình Quốc hội ban hành Luật Đất đai (sửa đổi) và ban hành các văn bản quy định chi tiết, bảo đảm có hiệu lực đồng thời với Luật; tập trung quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, đầu tư xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai kết nối với hệ thống thông tin đất đai quốc gia thống nhất, tập trung;

+ Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2023 và những năm tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho Bộ TN&MT khẩn trương hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, sớm cung cấp các dịch vụ công trực tuyến liên quan đến lĩnh vực đất đai phục vụ người dân, doanh nghiệp;

+ Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11 tháng 02 năm 2024 về tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 tại các bộ, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo, Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ cho Bộ TN&MT, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tập trung “Khẩn trương xây dựng Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, hoàn thành trong năm 2025”; “Tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương, bảo đảm kết nối, tích hợp, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, khẩn trương hoàn thành, đưa vào vận hành trong năm 2025.”;

+ Nghị quyết số 105/2023/QH15 ngày 10 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội về phân bổ ngân sách Trung ương năm 2024, trong đó dự kiến phân bổ kinh phí Trung ương hỗ trợ thực hiện các nhiệm vụ: Đề án tăng cường quản lý đất đai có nguồn gốc từ các nông lâm trường quốc doanh; Đề án hoàn chỉnh việc đo đạc, lập hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai cho các huyện biên giới; hỗ trợ kinh phí đo đạc đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất...

Bên cạnh đó, Bộ TN&MT đã ban hành các văn bản để triển khai như:

+ Công văn số 5186/BTNMT-CNTT ngày 05 tháng 9 năm 2022 về việc triển khai kết nối, chia sẻ cơ sở dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Công văn số 3768/BTNMT-VP ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến sử dụng xác thực, chia sẻ dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

+ Công văn số 7706/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 về việc kết nối, tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia năm 2022;

+ Công văn số 1382/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ ngày 08 tháng 3 năm 2023 về việc đơn đốc triển khai thực hiện Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (VILG);

+ Công văn số 3787/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về việc đẩy nhanh tiến độ xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương;

+ Quyết định số 1315/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 5 năm 2023 của về việc phê duyệt dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I)”;

+ Quyết định số 486/QĐ-BTNMT và Quyết định số 488/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2024 về thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Công tác triển khai thực hiện xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai;

+ Công văn số 754/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ ngày 31 tháng 01 năm 2024 gửi các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc báo cáo tiến độ và đề xuất nhu cầu hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương thực hiện nhiệm vụ, đề án do Bộ TN&MT quản lý;

+ Công văn số 1812/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 gửi Bộ Tài chính về việc đề xuất nhu cầu hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương cho các địa phương năm 2024 thực hiện các dự án do Bộ TN&MT quản lý.

- Kết quả đạt được cụ thể:

+ Về hoàn thiện hành lang pháp lý

Dự án Luật Đất đai (sửa đổi) đã được Quốc hội thông qua tại kỳ họp bất thường lần thứ 5, Quốc hội Khóa XV ngày 18 tháng 01 năm 2024. Hiện nay, Chính phủ đang chỉ đạo Bộ TN&MT cùng các Bộ, ngành tiếp tục xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật như các Nghị định, Thông tư kèm theo.

+ Về xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

. *Tại Trung ương*

Đã xây dựng và đưa vào quản lý, vận hành và khai thác sử dụng 04 khối dữ liệu đất đai do Trung ương quản lý gồm cơ sở dữ liệu về thống kê, kiểm kê đất

đai; cơ sở dữ liệu về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; cơ sở dữ liệu về giá đất; cơ sở dữ liệu về điều tra, đánh giá đất đai.

. *Tại địa phương*

63/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đang xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai, cụ thể như sau:

455/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành cơ sở dữ liệu địa chính và đưa vào vận hành phục vụ công tác quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính về đất đai cho người dân, doanh nghiệp.

705/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất đai (từ kỳ kiểm kê 2019) và đưa vào vận hành thống nhất từ Trung ương đến địa phương.

325/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

300/705 đơn vị cấp huyện đã hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu giá đất.

+ Về kết nối, liên thông điện tử với các Bộ, ngành và triển khai dịch vụ công trực tuyến

. 63/63 tỉnh, thành phố kết nối với Cổng dịch vụ công quốc gia về thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai và triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với thủ tục “*Đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận*”.

. 63/63 tỉnh, thành phố đã triển khai cung cấp dịch vụ công thiết yếu của hộ gia đình, cá nhân đối với thủ tục “*Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất*” và của tổ chức đối với thủ tục “*Đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất do thay đổi về nghĩa vụ tài chính*” trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tập trung của Bộ TN&MT.

. 48/63 tỉnh, thành phố đã kết nối, liên thông giữa cơ quan Đăng ký đất đai với cơ quan Thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai.

. 63/63 tỉnh, thành phố đã thực hiện kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, với dữ liệu của 461/705 đơn vị cấp huyện, 6.198/10.599 đơn vị cấp xã.

+ *Đánh giá sự chuyển biến*

Từ kết quả xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nêu trên, nhiều địa phương đã từng bước đưa cơ sở dữ liệu đất đai làm công cụ và nền tảng cho công tác quản lý đất đai; việc giải quyết các thủ tục hành chính về đất đai cho người dân và doanh nghiệp đã có sự chuyển biến tích cực, qua một số mặt sau:

. Công tác quản lý đất đai theo hướng hiện đại được thực hiện trên môi trường điện tử, mọi biến động đều được quản lý và cập nhật theo thời gian thực;

. Cung cấp số liệu chính xác, nhanh chóng và kịp thời theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Lãnh đạo Bộ TN&MT và các bộ, ngành;

. Các giao dịch về đất đai được quản lý, kiểm soát công khai, minh bạch về đối tượng, nghĩa vụ tài chính phải thực hiện kèm theo;

. Thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đất đai đã được rút ngắn đáng kể từ 15% - 45% so với trước đây; giảm thiểu thời gian người dân, doanh nghiệp phải đi lại để thực hiện thủ tục hành chính về đất đai;

. Quy trình cung cấp dịch vụ được minh bạch và rõ trách nhiệm hơn, qua đó cải thiện sự tham gia và phản hồi tích cực từ các bên liên quan;

. Thay đổi phương thức, tư duy và nghiệp vụ của cán bộ, công chức, viên chức từ truyền thống phương thức sang điện tử;

. Cơ sở dữ liệu đất đai được liên thông và chia sẻ với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác tạo điều kiện để các ngành khai thác, sử dụng dữ liệu chung và tiết kiệm chi phí đầu tư.

b) Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế; nguyên nhân của tồn tại, hạn chế

- Tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai chưa đáp ứng yêu cầu.

Tính đến nay, việc xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai trên cả nước đã đạt những kết quả nhất định, tuy nhiên tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai vẫn còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu theo chỉ đạo của Đảng và Chính phủ. Trong đó, nguyên nhân chính của việc chậm tiến độ là do các địa phương chưa chủ động và quyết liệt trong công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; việc quan tâm chỉ đạo, đầu tư nguồn lực để xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai của các địa phương còn hạn chế, chưa tương xứng so với yêu cầu, nhiệm vụ được giao; nhiều nơi chưa ý thức được vai trò tích cực và hữu hiệu của hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai đối với công tác quản lý và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Hồ sơ, tài liệu đất đai được hình thành qua nhiều giai đoạn khác nhau, thông tin dữ liệu không thống nhất; dữ liệu rất lớn, phức tạp, bao gồm cả dữ liệu đồ họa và dữ liệu thuộc tính với rất nhiều trường thông tin, có nhiều thông tin biến động gây khó khăn cho công tác xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai.

- Trình độ chuyên môn, kỹ thuật cán bộ xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở Trung ương và địa phương hiện nay còn hạn chế.

- Trang thiết bị, hạ tầng công nghệ thông tin, mức độ về an toàn, bảo mật thông tin của các địa phương còn chưa đáp ứng yêu cầu, gây khó khăn cho việc vận hành, kết nối, chia sẻ với các hệ thống thông tin khác.

- Triển khai dịch vụ công trực tuyến: Tiến độ triển khai các dịch vụ công trực tuyến phụ thuộc nhiều vào sự quyết tâm vào cuộc của các địa phương. Bên cạnh đó, quy trình giải quyết thủ tục hành chính về đất đai rất phức tạp, khó khăn đối với người dân, doanh nghiệp khi thực hiện ở mức độ toàn trình.

c) Trách nhiệm của người đứng đầu

Dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT đang khẩn trương đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I)” để cung cấp phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin đất đai và hạ tầng công nghệ thông tin trong năm 2025 cho các địa phương theo mô hình cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất trong cả nước; hoàn thiện hành lang pháp lý đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trong các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024.

Theo quy định của pháp luật đất đai thì UBND cấp tỉnh có trách nhiệm tổ chức xây dựng, quản lý, khai thác hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương; cung cấp dữ liệu đất đai cho Bộ TN&MT để tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai. Theo đó, việc xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của UBND cấp tỉnh, Bộ TN&MT có trách nhiệm hướng dẫn, đôn đốc các địa phương thống nhất thực hiện chuyên môn nghiệp vụ theo quy định. Do đó, UBND cấp tỉnh phải thực hiện trách nhiệm tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai trong phạm vi địa phương và chỉ đạo, thúc đẩy hoàn thiện, kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương với Hệ thống tích hợp, kết nối, chia sẻ dữ liệu quốc gia về đất đai và các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu khác, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; bố trí, đảm bảo kinh phí để khẩn trương hoàn thành Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai, đưa vào vận hành trong năm 2025.

d) Định hướng triển khai, giải pháp, kiến nghị

- Định hướng triển khai cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đất đai

+ Hoàn thiện hành lang pháp lý: Hoàn thiện hành lang pháp lý làm căn cứ triển khai Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đất đai theo mô hình tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương, đồng bộ, đa mục tiêu và kết nối, liên thông trên phạm vi cả nước theo quy định tại Luật Đất đai năm 2024. Cụ thể là xây dựng Nghị định quy định về điều tra cơ bản đất đai; đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và hệ thống thông tin đất đai và các Thông tư có liên quan đến cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin đất đai.

+ Xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin: Hạ tầng công nghệ thông tin được đầu tư xây dựng trong Dự án “Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (giai đoạn I)” của Bộ TN&MT phải đảm bảo an toàn thông tin, an ninh mạng; bảo đảm hiệu năng, kết nối, chia sẻ với các dữ liệu quốc gia; lưu trữ cơ sở dữ liệu đất đai dự phòng của các địa phương theo mô hình cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất và theo các yêu cầu, đề xuất cụ thể của các địa phương.

+ Xây dựng phần mềm hệ thống thông tin đất đai: Xây dựng phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin đất đai đáp ứng các yêu cầu quản lý nhà nước cấp trung ương, đồng thời các địa phương có thể sử dụng để quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai tại địa phương, trong đó có các chức năng phân tích, xử lý dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI), thống kê, dự báo phục vụ quản lý vĩ mô tầm quốc gia và địa phương theo các chỉ tiêu quốc gia, địa phương; bảo đảm tương thích, kết

nối với các phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin đất đai mà các địa phương đang sử dụng.

+ Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương và đưa vào vận hành, khai thác sử dụng.

- Giải pháp, kiến nghị

+ Hoàn thiện đề xuất các hành lang pháp lý đối với hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trong các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Đất đai năm 2024 (các Nghị định, Thông tư).

+ Đẩy nhanh tiến độ triển khai Dự án “Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường (Giai đoạn I)” để cung cấp phần mềm ứng dụng hệ thống thông tin đất đai và hạ tầng công nghệ thông tin trong năm 2025 cho các địa phương theo mô hình cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai tập trung, thống nhất trong cả nước.

+ Tiếp tục hướng dẫn, kiểm tra, tháo gỡ vướng mắc, đôn đốc các địa phương khẩn trương, tập trung nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

+ Tăng cường công tác đào tạo, chuyển giao, hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác xây dựng, quản lý, vận hành cơ sở dữ liệu đất đai ở Trung ương và các địa phương

+ Xem xét, quyết định hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương cho các địa phương trong việc đo đạc lập bản đồ địa chính, kê khai, đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai nhằm có đủ nguồn lực đẩy nhanh tiến độ xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai ở địa phương.

+ Tiếp tục quán triệt sâu rộng quan điểm, nhận thức và vai trò của cơ sở dữ liệu đất đai đối với chủ trương đẩy mạnh cải cách hành chính, xây dựng Chính phủ điện tử, chính quyền điện tử, tăng cường công tác quản lý đất đai của Đảng, Nhà nước và Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ tới các cấp chính quyền địa phương.

II. VỀ LĨNH VỰC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Triển khai thực hiện tốt Luật Bảo vệ môi trường (BVMT) năm 2020, có chính sách khuyến khích sử dụng công nghệ xanh, hạn chế xả thải ra môi trường, kiểm soát chặt chẽ các nguồn nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Luật BVMT được Quốc hội khóa XIV thông qua tại kỳ họp thứ 10, có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2022. Bộ TN&MT đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật tại Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021. Bộ trưởng Bộ TN&MT cũng đã ký Quyết định số 413/QĐ-BTNMT ngày 09 tháng 3 năm 2021 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật BVMT của Bộ; Quyết định số 558/QĐ-BTNMT ngày 22 tháng 3 năm 2022 phê duyệt Danh mục và phân công đơn vị xây dựng văn bản pháp luật do Bộ TN&MT

chủ trì, phân công đơn vị phối hợp xây dựng văn bản pháp luật do các Bộ, ngành, địa phương chủ trì và nhiệm vụ để triển khai thi hành Luật, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVMT (được phê duyệt điều chỉnh tại Quyết định số 1463/QĐ-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2023); Quyết định số 420/QĐ-BTNMT ngày 07 tháng 3 năm 2022 ban hành Kế hoạch tuyên truyền, tập huấn, phổ biến Luật BVMT và các văn bản quy định chi tiết thi hành.

Để triển khai thi hành Luật, trong thời gian qua, dưới sự chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT, các Bộ, ngành và địa phương đã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ như: Xây dựng, ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn các chính sách của Luật BVMT và văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; tổ chức rà soát văn bản quy phạm pháp luật v.v. Đối với một số chính sách của Luật sẽ có hiệu lực thi hành từ năm 2025, Bộ TN&MT cũng đã chủ động nghiên cứu, xây dựng các quy định để bảo đảm đầy đủ hành lang pháp lý trong triển khai thực hiện trên cả nước.

a) Một số kết quả chính đạt được như sau:

- Về tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật

Chính phủ đã chỉ đạo Bộ TN&MT phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, tập huấn, phổ biến các quy định, chính sách mới của Luật BVMT đến đầy đủ các đối tượng cơ quan, tổ chức, cá nhân (phát hành tài liệu tuyên truyền tổng quan về các điểm mới của Luật BVMT gửi Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, UBND các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương; chủ trì các hội nghị, hội thảo, tập huấn các quy định, chính sách mới về BVMT theo vùng và tại các địa phương trên cả nước, trong đó có nhiều hội thảo được phổ biến đến cán bộ cấp phường, xã...); thường xuyên trả lời, giải đáp cụ thể các ý kiến, kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quá trình triển khai thi hành Luật và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành; chủ động đôn đốc các Bộ, ngành có liên quan trong việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, hướng dẫn, quy định thuộc trách nhiệm đã được Thủ tướng Chính phủ phân công tại Quyết định số 343/QĐ-TTg. Trong năm 2022, Bộ đã tổ chức thành công 03 Hội thảo trực tuyến cho đối tượng là Sở TN&MT của 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương để tiếp nhận, giải đáp các vướng mắc trong triển khai thực hiện Luật BVMT); tổng hợp các nội dung vướng mắc và triển khai xây dựng Sổ tay hỏi đáp chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường. Trong năm 2023 tiếp tục tổ chức 03 Hội thảo trực tiếp phổ biến, hướng dẫn các quy định về ứng phó với biến đổi khí hậu (BĐKH) tại 03 miền Bắc, Trung, Nam và một số hội thảo dành cho các doanh nghiệp, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; 02 Hội thảo vùng tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Phú Yên để tuyên truyền, phổ biến các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH tại nguồn.

- Về xây dựng, ban hành, trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy

định chi tiết, hướng dẫn triển khai thi hành Luật BVMT; ban hành chính sách khuyến khích sử dụng công nghệ xanh, hạn chế xả thải ra môi trường, kiểm soát chặt chẽ các nguồn nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường

Trong giai đoạn 2022 - 2024, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tiếp tục tập trung chỉ đạo xây dựng và ban hành hệ thống chính sách, pháp luật đảm bảo phù hợp với các quy định mới của Luật BVMT năm 2020 theo Kế hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt²; chủ động rà soát, tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản để triển khai thi hành Luật BVMT; tạo sự đồng bộ với các luật mới được Quốc hội thông qua, không tạo ra khoảng trống pháp luật, góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, đẩy mạnh cải cách hành chính. Các văn bản hướng dẫn triển khai thi hành Luật về cơ bản đã được ban hành, trong đó các khung chính sách mới của Luật BVMT đã có đầy đủ hành lang pháp lý để triển khai thực hiện ngay tại thời điểm Luật có hiệu lực. Các văn bản được ban hành đã có những nội dung về khuyến khích sử dụng công nghệ xanh, hạn chế xả thải ra môi trường, kiểm soát chặt chẽ các nguồn nước thải, khí thải, chất thải rắn công nghiệp, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; trong đó phải kể đến các văn bản như Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050³; 03 Quy hoạch bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050⁴.

Đến nay, Bộ TN&MT đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành 03 Nghị định⁵; 02 Thông tư⁶; 06 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ⁷. Ngoài ra, Bộ TN&MT đã ban hành một số văn bản hướng dẫn thi hành Luật BVMT theo thẩm quyền của Bộ, bao gồm: 06 Thông tư⁸; 01 tiêu chuẩn quốc gia (TCVN

² Quyết định số 343/QĐ-TTg ngày 12 tháng 3 năm 2021 và Quyết định số 2197/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

³ Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022.

⁴ Đến nay, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 01 Quy hoạch.

⁵ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT; Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 01 năm 2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

⁶ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT; Thông tư số 01/2022/TT-BTNMT ngày 07 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định chi tiết thi hành Luật BVMT về ứng phó với biến đổi khí hậu.

⁷ Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính; Quyết định số 148/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ ban hành hệ thống giám sát và đánh giá hoạt động thích ứng với biến đổi khí hậu cấp quốc gia; Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 phê duyệt Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 896/QĐ-TTg ngày 26 tháng 7 năm 2022 phê duyệt Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 05 tháng 8 năm 2022 phê duyệt Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030; Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2023 ban hành danh mục phế liệu được phép nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất).

⁸ Thông tư số 17/2022/TT-BTNMT ngày 15 tháng 11 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT quy định kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải; Thông tư số 01/2023/TT-BTNMT ngày 13 tháng 3 năm 2023 ban hành 05 quy chuẩn kỹ thuật môi trường quốc gia về chất lượng môi trường (không khí xung quanh, nước mặt, nước dưới đất, nước biển, giới hạn tối đa cho phép của một số chất ô nhiễm trong đất); Thông tư số 06/2023/TT-BTNMT ngày 31 tháng 7 năm 2023 hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch; Thông tư số 20/2023/TT-BTNMT ngày 30 tháng 11 năm 2023 ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thu gom, vận chuyển, lưu giữ, tái chế, tái sử dụng và xử lý các chất được kiểm soát; Thông tư số 28/2023/TT-BTNMT ngày 29 tháng 12 năm 2023 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và

13334:2021) Xốp cách nhiệt polyuretan (PU) sử dụng chất trợ nở dễ cháy - Yêu cầu về an toàn trong sản xuất⁹; 03 Quyết định¹⁰; 06 Văn bản hướng dẫn¹¹. Đặc biệt, ngày 02 tháng 11 năm 2023, Bộ đã ban hành văn bản gửi các địa phương hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH; đây là tiền đề quan trọng để triển khai chính sách phân loại CTRSH tại nguồn theo lộ trình của Luật (trước ngày 31 tháng 12 năm 2024). Cùng với đó, Bộ TN&MT đã phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08 tháng 3 năm 2022 ban hành bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025, trong đó đã bao gồm các tiêu chí về bảo vệ môi trường trong xây dựng và phát triển nông thôn.

Hiện nay, Bộ TN&MT đã trình Thủ tướng Chính phủ 01 Quyết định¹², đang tiếp tục xây dựng 01 Quyết định¹³, 16 Thông tư hướng dẫn quy định chi tiết thi hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, dự kiến ban hành chậm nhất là năm 2025; tiếp tục xây dựng, ban hành 09 văn bản hướng dẫn kỹ thuật theo kế hoạch đã được phê duyệt tại Quyết định số 1463/QĐ-BTNMT.

Bên cạnh đó, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ¹⁴ và Thủ tướng Chính phủ, Bộ TN&MT đã nghiêm túc tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 08/2022/NĐ-CP trong thời gian vừa qua; tổng hợp đề xuất, kiến nghị của các địa phương trong đề xuất phân cấp cho địa phương giải quyết một số TTHC thuộc thẩm quyền của Bộ, đồng thời đề nghị sửa đổi một số quy định để thuận lợi hơn khi triển khai trong thực tiễn. Bộ TN&MT đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề xin chủ trương về việc xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP theo trình tự, thủ tục rút gọn và đã được đồng ý tại Công văn số 4146/VPCP-NN ngày 06 tháng 6 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ. Sau các lần đăng tải lấy ý kiến, dự thảo Nghị định đã nhận được sự đồng thuận cao từ phía các địa phương, doanh nghiệp đối với các chính sách cắt giảm và phân

kiểm kê khí nhà kính lĩnh vực quản lý chất thải; Thông tư số 01/2024/TT-BTNMT ngày 02 tháng 02 năm 2024 quy định định mức cho hoạt động thực hiện ĐMC của quy hoạch.

⁹ Ban hành theo Quyết định số 1500/QĐ-BKH-CN ngày 08 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

¹⁰ Quyết định số 2626/QĐ-BTNMT ngày 10 tháng 10 năm 2022 công bố danh mục hệ số phát thải phục vụ kiểm kê khí nhà kính; Quyết định số 454/QĐ-BTNMT ngày 03 tháng 3 năm 2023 hướng dẫn kỹ thuật về xây dựng và chia sẻ cơ sở dữ liệu môi trường; Quyết định số 4134/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2023 công bố mức sản xuất và tiêu thụ cơ sở các chất gây hiệu ứng nhà kính được kiểm soát (HFC) của Việt Nam và tổng lượng tiêu thụ quốc gia giai đoạn 2024-2028.

¹¹ Công văn số 4848/BTNMT-BĐKH ngày 19 tháng 8 năm 2022 hướng dẫn các Bộ quản lý lĩnh vực phát thải khí nhà kính xây dựng quy định kỹ thuật về kiểm kê khí nhà kính và đo đạc, báo cáo, thẩm định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cấp lĩnh vực, cơ sở; Công văn số 1068/BTNMT-KSONMT ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc hướng dẫn kỹ thuật về lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định của Luật BVMT; Công văn số 1103/BTNMT-BĐKH ngày 27 tháng 02 năm 2023 về việc hướng dẫn lập báo cáo về ứng phó với biến đổi khí hậu; Công văn số 1454/BTNMT-BĐKH ngày 09 tháng 3 năm 2023 hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai thực hiện Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC) cập nhật năm 2022; Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 về hướng dẫn kỹ thuật về phân loại chất thải rắn sinh hoạt.

¹² Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định định mức chi phí tái chế hợp lý, hợp lệ đối với một đơn vị khối lượng sản phẩm, bao bì; chi phí quản lý hành chính phục vụ quản lý, giám sát và hỗ trợ thực hiện trách nhiệm tái chế sản phẩm, bao bì và trách nhiệm thu gom, xử lý chất thải của nhà sản xuất, nhập khẩu.

¹³ Dự thảo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định việc thải bỏ phương tiện giao thông.

¹⁴ Nghị quyết số 131/NQ-CP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính và hiện đại hóa phương thức chỉ đạo, điều hành phục vụ người dân, doanh nghiệp; Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ về Hội nghị Chính phủ với địa phương và Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2023.

cấp TTHC theo chủ trương nêu trên. Ngày 29 tháng 02 năm 2024, Bộ TN&MT đã có Tờ trình số 19/TTr-BTNMT trình Chính phủ xem xét, ban hành Nghị định sửa đổi và sẽ có hiệu lực ngay khi được ban hành.

b) Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết và trách nhiệm của người đứng đầu

Các văn bản hướng dẫn triển khai Luật BVMT năm 2020 đã được Chính phủ chỉ đạo Bộ TN&MT tập trung triển khai xây dựng, tuy nhiên đến nay vẫn còn 01 văn bản còn chưa ban hành là Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn.

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Việc chậm ban hành Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn - Áp dụng với hạng mục công trình xử lý CTRSH, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại chậm hơn so với kế hoạch dự kiến (tháng 12 năm 2023) do quá trình nghiên cứu, triển khai xây dựng dự thảo Thông tư cho thấy, việc nghiên cứu xác định khoảng cách an toàn về môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có thể tác động trực tiếp đến nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ với hàng ngàn công nhân, người lao động, trong đó có cả nhiều cơ sở đã đi vào hoạt động trước ngày Luật BVMT năm 2020 có hiệu lực thi hành. Vì vậy, các hoạt động triển khai phải được tiến hành hết sức thận trọng, chính xác, có cơ sở khoa học, đồng thời phải đảm bảo tính ổn định, không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các cơ sở. Quá trình thực hiện nhiệm vụ gồm nhiều hoạt động và cần nhiều thời gian như: khảo sát thực tế đánh giá hiện trạng hoạt động của các cơ sở, lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải, tiếng ồn phát sinh từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng; tham vấn ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan, các địa phương, các chuyên gia, nhà khoa học; đặc biệt là phải chạy mô hình phát tán chất ô nhiễm trong môi trường không khí để đảm bảo độ chính xác, khả thi khi thực hiện trên thực tế. Theo đó, Bộ TN&MT có văn bản số 8895/BTNMT-PC ngày 19/10/2023 gửi Ban Dân nguyện thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội báo cáo nguyên nhân chưa giải quyết dứt điểm kiến nghị cử tri và cam kết thời gian hoàn thành trong năm 2024..

d) Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khoảng cách an toàn môi trường đối với khu dân cư của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và kho tàng có nguy cơ phát tán bụi, mùi khó chịu, tiếng ồn - Áp dụng với hạng mục công trình xử lý CTRSH, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại sẽ được Bộ TN&MT xem xét, ban hành trong năm 2024 theo Quyết định số 1463/QĐ-BTNMT; phân công đơn vị phối hợp xây dựng văn bản pháp luật do

các Bộ, ngành, địa phương chủ trì và nhiệm vụ để triển khai thi hành Luật BVMT, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật.

2. Đối với nội dung “Phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia trong năm 2022”

a) Kết quả đạt được

Thực hiện Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 18 tháng 02 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 973/QĐ-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2021 phê duyệt chi tiết nội dung, dự toán lập “Quy hoạch bảo vệ môi trường thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050”, tổ chức đấu thầu tuyển chọn đơn vị tư vấn lập quy hoạch theo quy định của pháp luật; phối hợp với đơn vị tư vấn, cơ quan, đơn vị và các địa phương, chuyên gia xây dựng Quy hoạch trong đó bao gồm việc tổ chức đánh giá kết quả thực hiện các quy hoạch có liên quan.

Hồ sơ Quy hoạch đã được lấy ý kiến của các cơ quan, Bộ, cơ quan ngang bộ, UBND cấp tỉnh (Công văn số 5941/BTNMT-TCMT ngày 06 tháng 10 năm 2022); được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT để cộng đồng, tổ chức, cá nhân liên quan nghiên cứu và tham gia góp ý kiến; đã được tham vấn thông qua 03 hội thảo tại 03 miền Bắc, Trung, Nam và nhiều hội thảo tham vấn ý kiến chuyên gia, nhà khoa học, các đơn vị trong và ngoài Bộ.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, Bộ TN&MT đã tổ chức họp Hội đồng thẩm định¹⁵ cấp Bộ đối với Quy hoạch.

Ngày 29 tháng 12 năm 2022, Bộ TN&MT có Công văn số 8095/BTNMT-TCMT báo cáo Thủ tướng Chính phủ đề thành lập Hội đồng quốc gia thẩm định Quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch. Hội đồng thẩm định quy hoạch đã được thành lập tại Quyết định số 295/QĐ-TTg ngày 27 tháng 3 năm 2023 và đã tổ chức phiên họp vào ngày 03 tháng 7 năm 2023.

Ngày 04 tháng 12 năm 2023, Phó Thủ tướng Chính phủ Trần Hồng Hà - Chủ tịch Hội đồng thẩm định đã phê duyệt Báo cáo thẩm định Quy hoạch tại Văn bản số 113/BC-HĐTĐQH.

Ngày 21 tháng 12 năm 2023, Bộ TN&MT có Công văn số 10751/BTNMT-MT gửi thành viên Hội đồng về rà soát hồ sơ, tài liệu Quy hoạch. Trên cơ sở các ý kiến của các Ủy viên phản biện và các thành viên Hội đồng thẩm định, Bộ TN&MT đã chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ Quy hoạch trong đó có tính đến định hướng hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng trên cơ sở tham vấn ý kiến một số địa phương có liên quan để bảo đảm thống nhất.

Hiện nay, Quy hoạch đã được Bộ TN&MT hoàn thiện và trình Thủ tướng Chính phủ tại Tờ trình số 44/TTr-BTNMT ngày 03/5/2024.

b) Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết và trách nhiệm của người đứng đầu

¹⁵ Được thành lập tại Quyết định số 3402/QĐ-BTNMT ngày 06 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ TN&MT.

Quy hoạch chậm được ban hành như yêu cầu tại Nghị quyết (năm 2022).

c) Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Quy hoạch BVMT quốc gia là quy hoạch khó, phức tạp, lần đầu tiên được lập ở Việt Nam. Trong quá trình lập quy hoạch đã gặp một số khó khăn, vướng mắc như sau:

- Về mặt pháp lý, theo quy định của Luật Quy hoạch, Quy hoạch tổng thể quốc gia và Quy hoạch không gian biển quốc gia là cơ sở để lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia; nội dung Quy hoạch BVMT quốc gia được lập trên cơ sở tích hợp từ nhiều quy hoạch khác, trong đó có Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia và các quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Tuy nhiên, tại thời điểm lập Quy hoạch BVMT quốc gia, nhiều quy hoạch liên quan vẫn đang trong quá trình xây dựng nên chưa đủ thông tin, dữ liệu để lập Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia¹⁶. Bên cạnh đó, việc lập Quy hoạch BVMT quốc gia còn gặp khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của Luật Quy hoạch và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật¹⁷.

- Về cơ sở khoa học và thực tiễn, để đáp ứng yêu cầu cho việc lập Quy hoạch BVMT quốc gia thì các thông tin, dữ liệu là cơ sở rất quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Quy hoạch BVMT quốc gia được lập cho toàn bộ lãnh thổ Việt Nam nhưng thông tin, dữ liệu điều tra cơ bản về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội, tài nguyên, môi trường... còn thiếu trong khi nhiều quy hoạch có liên quan chưa được lập như đã được đề cập.

- Trong quá trình thực hiện lập quy hoạch, do tình hình dịch bệnh COVID-19 diễn biến phức tạp nên việc triển khai các hoạt động lập quy hoạch như khảo sát thực địa, hội nghị, hội thảo... chưa bảo đảm tiến độ theo Kế hoạch đề ra.

d) Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

Hiện nay, hồ sơ Quy hoạch đã được lấy ý kiến các thành viên Hội đồng thẩm định để hoàn thiện trong đó bao gồm các nội dung về định hướng hình thành các khu xử lý chất thải tập trung cấp quốc gia, cấp vùng để bảo đảm thống nhất, khả thi trong điều kiện các quy hoạch được lập đồng thời. Bên cạnh đó, các nội dung khác của Quy hoạch cũng được rà soát để bảo đảm thống nhất, như: định hướng đối với các đối tượng về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

3. Về quan tâm đầu tư, thu hút và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (kể cả nguồn lực xã hội hóa) cho công tác thu gom, xử lý nước thải và chất thải rắn sinh hoạt (rác thải)

Theo quy định của Luật BVMT năm 2020, UBND các tỉnh thực hiện trách nhiệm “quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý CTRSH, thực hiện việc giao đất kịp thời để triển khai xây dựng và vận hành khu xử lý CTRSH trên địa bàn; *bố trí kinh*

¹⁶ Quy hoạch tổng thể quốc gia mới được Quốc hội thông qua ngày 09 tháng 01 năm 2023.

¹⁷ Được nêu trong Báo cáo của Đoàn giám sát của Quốc hội về việc thực hiện chính sách, pháp luật về công tác quy hoạch kể từ khi Luật Quy hoạch có hiệu lực thi hành báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 3, Quốc hội khóa XV.

phí cho việc đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; hệ thống các công trình, biện pháp, thiết bị công cộng phục vụ quản lý CTRSH trên địa bàn” (quy định tại khoản 6 Điều 78 Luật BVMT); “quy định chi tiết về quản lý chất thải rắn sinh hoạt của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định giá cụ thể đối với dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại” (quy định tại khoản 6 Điều 79 Luật BVMT, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 73 Luật Giá năm 2023).

Bên cạnh đó, UBND các tỉnh có trách nhiệm “*Ban hành biện pháp thực hiện các cơ chế, chính sách ưu đãi, hỗ trợ để khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư và cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương” (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 63 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)*

Thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT đã đẩy mạnh công tác đôn đốc, theo dõi, hướng dẫn địa phương triển khai thực hiện các quy định về quản lý CTRSH; cụ thể: Ban hành 02 Công văn số 10822/BTNMT-KSONMT ngày 22 tháng 12 năm 2023 và 1786/BTNMT-KSONMT ngày 22 tháng 3 năm 2024 yêu cầu địa phương báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác quản lý nhà nước về CTRSH; chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện quy định phân loại CTRSH tại nguồn.

Trong thời gian tới, Bộ TN&MT sẽ tăng cường kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc các địa phương đẩy nhanh tiến độ ban hành các quy định chi tiết về quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn, quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, quy hoạch và thực hiện quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý CTRSH, huy động mọi nguồn lực đầu tư (nguồn ngân sách nhà nước, nguồn ODA và các nguồn kinh phí hợp pháp khác), khuyến khích xã hội hóa trong công tác quản lý CTRSH.

4. Về tăng cường năng lực quan trắc, dự báo, cảnh báo về môi trường

a) Kết quả đạt được

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường, trong đó đã bao gồm nội dung quy định xây dựng hệ thống quan trắc môi trường quốc gia và quan trắc môi trường cấp tỉnh; đã xây dựng Dự thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật hoạt động quan trắc môi trường, trong đó bao gồm toàn bộ các nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật quan trắc môi trường nói chung, bao gồm cả nội dung quan trắc các thông

số Dioxin/Furan trong nước thải, khí thải. Dự thảo đã được đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của Bộ TN&MT và Cổng thông tin điện tử Chính phủ. Dự thảo Thông tư đã được gửi lấy ý kiến các Bộ/ngành, các đơn vị liên quan theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Hiện nay, hồ sơ đang tiếp tục được hoàn thiện theo các ý kiến góp ý trước khi trình thẩm định, phê duyệt.

- Bộ TN&MT đã ban hành 02 hướng dẫn kỹ thuật gửi 63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương gồm có:

+ Hướng dẫn kỹ thuật xây dựng Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường không khí cấp tỉnh tại Công văn số 3051/BTNMT-TCMT ngày 07 tháng 6 năm 2021;

+ Hướng dẫn kỹ thuật về lập Kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định của Luật BVMT tại Công văn số 1068/BTNMT-KSONMT ngày 24 tháng 02 năm 2023;

- Tiếp tục duy trì các chương trình quan trắc chất lượng không khí và chất lượng nước định kỳ tại các lưu vực sông lớn, các vùng kinh tế trọng điểm theo Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 12 tháng 01 năm 2016 về việc phê duyệt Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Về việc tổ chức triển khai, hoàn thiện các dự án đầu tư tăng cường năng lực quan trắc quốc gia với mục tiêu tăng cường năng lực quan trắc môi trường và thực hiện Quy hoạch mạng lưới quan trắc tài nguyên và môi trường quốc gia theo Quyết định số 90/2016/QĐ-TTg:

+ Đã hoàn thành triển khai Dự án “Nâng cấp hệ thống quan trắc môi trường giai đoạn 1”, trong đó đã thực hiện tăng cường năng lực trang thiết bị cho hoạt động quan trắc môi trường, trang thiết bị kiểm soát đo lường và hệ thống tích hợp dữ liệu quan trắc môi trường quốc gia; nâng cấp trạm quan trắc môi trường không khí lồng ghép với quan trắc khí tượng thủy văn và tăng cường năng lực trang thiết bị quan trắc, phân tích môi trường phóng xạ;

+ Đã triển khai Dự án “Đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường không khí (giai đoạn 1). Hiện nay Dự án đã hoàn thành lắp đặt, vận hành thử nghiệm 18 trạm quan trắc chất lượng không khí tự động, liên tục; hoàn thành việc đầu tư hệ thống trang thiết bị quan trắc, phân tích môi trường không khí, kiểm định hiệu chuẩn cho Trung tâm Quan trắc môi trường miền Bắc và Trung tâm Quan trắc môi trường miền Trung và Tây Nguyên và đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin để đảm bảo khả năng kết nối, thu thập, tích hợp và quản lý số liệu các trạm quan trắc môi trường tự động;

+ Tiếp tục triển khai các hoạt động phê duyệt đối với Dự án “Xây dựng trạm quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ”;

- Thực hiện thường xuyên hoạt động đánh giá, tổng hợp thông tin, số liệu quan trắc tự động, liên tục phục vụ tốt công tác quản lý nhà nước về môi trường, giám sát các nguồn ô nhiễm môi trường lớn và công bố thông tin, số liệu quan trắc môi trường cho cộng đồng theo quy định của Luật BVMT năm 2020;

- Về việc triển khai các hoạt động phổ biến hướng dẫn, tăng cường năng lực cho các đơn vị quan trắc môi trường, đặc biệt trong các lĩnh vực quan trắc POP, quan trắc khí thải phương tiện giao thông vận tải: nội dung về hướng dẫn thực hiện quan trắc các chất POPs đã được xây dựng trong quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT và đến nay đã có 05 đơn vị đã được chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với các chất POPs mới theo Công ước Stockholm.

5. Về thúc đẩy xây dựng, hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật thu gom, xử lý nước thải và rác thải

Theo quy định tại Luật BVMT năm 2020, để thực hiện lộ trình phân loại CTRSH vào thời điểm chậm nhất trước ngày 31 tháng 12 năm 2024, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm chuẩn bị các điều kiện cần thiết sau đây:

a) Quy hoạch, xây dựng, vận hành khu xử lý CTRSH đáp ứng yêu cầu:

Theo quy định tại khoản 6 Điều 78 Luật BVMT, UBND cấp tỉnh có trách nhiệm quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý CTRSH, thực hiện việc giao đất kịp thời để triển khai xây dựng và vận hành khu xử lý CTRSH trên địa bàn; bố trí kinh phí cho việc đầu tư xây dựng, vận hành hệ thống thu gom, lưu giữ, trung chuyển, vận chuyển và xử lý CTRSH; hệ thống các công trình, biện pháp, thiết bị công cộng phục vụ quản lý CTRSH trên địa bàn. Theo đó, các địa phương phải đảm bảo có đủ cơ sở xử lý CTRSH để xử lý được các loại CTRSH sau phân loại theo quy định của Luật BVMT.

Theo số liệu thống kê, tỷ trọng các loại chất thải trong CTRSH phát sinh tại Việt Nam như sau: Chiếm tỷ trọng cao nhất là chất thải thực phẩm (dao động từ 50-70%), ở đô thị thấp hơn nông thôn; chất thải có khả năng tái chế dao động 20-25%; còn lại là CTRSH khác¹⁸. Hiện nay, khi chất thải chưa được phân loại triệt để; năng lực xử lý của các cơ sở xử lý CTRSH cơ bản đáp ứng được yêu cầu (64% chất thải được xử lý chủ yếu bằng phương pháp chôn lấp; 10,25% đốt có phát điện, 9,6% đốt không phát điện, 16,15% xử lý CTRSH thành mùn/phân hữu cơ). Tuy nhiên, khi thực hiện phân loại CTRSH, năng lực hiện hữu của các cơ sở xử lý chất thải ở nước ta chưa thể đáp ứng theo yêu cầu; đặc biệt là đối với chất thải thực phẩm (chiếm tỷ trọng trên 50% nhưng năng lực xử lý CTRSH thành mùn/phân hữu cơ mới chỉ đáp ứng 16,15% với 22 cơ sở đang hoạt động). Nếu tiếp tục xử lý bằng phương pháp chôn lấp, đốt có/không có phát điện thì sẽ không đạt được mục tiêu ban đầu của việc phân loại chất thải là hướng tới việc thúc đẩy tái sử dụng, tái chế chất thải, sản phẩm thải bỏ, tận dụng tối đa giá trị, kéo dài vòng đời của sản phẩm theo đúng định hướng của Đảng, Chính phủ về phát triển nền

¹⁸ Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia năm 2019.

kinh tế tuần hoàn, coi chất thải là tài nguyên.

Hiện nay, 55/63 tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương đã có quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó có nội dung quy hoạch cho hạ tầng kỹ thuật về thu gom, xử lý CTRSH. Bên cạnh đó, các quy hoạch chất thải rắn cấp vùng cũng đã được ban hành¹⁹. Tuy nhiên, nội dung chính của các quy hoạch quản lý chất thải rắn nêu trên chủ yếu liên quan đến địa điểm, phương pháp xử lý mà ít tập trung đến các vấn đề như phân loại tại nguồn, thu gom, vận chuyển hoặc nguồn kinh phí, thể chế để thực hiện. Mặt khác, hầu hết các địa phương quy hoạch xử lý CTRSH cho chất thải phát sinh trên địa bàn nên việc thực hiện các quy hoạch vùng đến nay còn gặp rất nhiều khó khăn do thiếu yếu tố liên kết vùng. Hiện nay, việc tổ chức triển khai quy hoạch quản lý chất thải rắn đã phê duyệt tại các địa phương còn chậm, thiếu nguồn lực để thực hiện quy hoạch; việc lựa chọn công nghệ và nhà đầu tư để thực hiện quy hoạch còn gặp nhiều khó khăn do các quy định về đấu thầu chưa hoàn thiện và thiếu các quy định cụ thể với loại hình dự án xử lý CTRSH. Người dân một số địa phương không đồng thuận với các vị trí xây dựng cơ sở xử lý CTRSH.

UBND cấp tỉnh chủ động rà soát, đánh giá tổng thể cơ sở hạ tầng, kỹ thuật thu gom, xử lý; khắc phục những bất cập trong công tác quy hoạch, các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai; khả năng thực tế đạt được mục tiêu theo lộ trình đã đề ra... Trường hợp khó khăn, vướng mắc gửi Bộ TN&MT tổng hợp, báo cáo, tham mưu với Chính phủ các giải pháp chỉ đạo trong trường hợp cần thiết.

b) Bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu; đầu tư thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 76 Luật BVMT, UBND các cấp có trách nhiệm bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ TN&MT (Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH được hướng dẫn tại Điều 26 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT). Cơ sở thu gom, vận chuyển CTRSH phải sử dụng thiết bị, phương tiện được thiết kế phù hợp đối với từng loại CTRSH đã được phân loại, đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ TN&MT (Yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển CTRSH được hướng dẫn tại Điều 27 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT); việc vận chuyển CTRSH phải thực hiện theo tuyến đường, thời gian theo quy định của UBND cấp tỉnh. Đồng thời, đối với từng loại CTRSH sau khi phân loại cũng phải được lưu giữ, chuyên giao đáp ứng yêu cầu tại khoản 3, 4 Điều 75 Luật BVMT năm 2020; đặc biệt là đối với chất thải thực phẩm, chất thải nguy hại, chất thải công kênh.

¹⁹ Như quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 1979/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2016, quy hoạch tổng thể hệ thống xử lý chất thải rắn lưu vực sông Cầu đến năm 2020 đã được phê duyệt tại Quyết định số 2211/QĐ-TTg ngày 14 tháng 11 năm 2013, quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Nhuệ - sông Đáy đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 223/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2015, quy hoạch quản lý chất thải rắn lưu vực sông Đồng Nai đến năm 2030 đã được phê duyệt tại Quyết định số 07/QĐ-TTg ngày 06 tháng 01 năm 2015.

Về cơ bản các địa phương đã bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển, đầu tư thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển nhưng chưa đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định. Để đảm bảo thực hiện thu gom, vận chuyển 100% lượng CTRSH phát sinh đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, phù hợp đối với từng loại CTRSH đã được phân loại theo đúng yêu cầu của Luật BVMT, nhiều địa phương còn gặp khó khăn trong việc bố trí đủ các thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển cho riêng từng loại chất thải rắn sau khi phân loại (đặc biệt với đặc thù địa hình ở các khu vực dân cư khác nhau dẫn đến yêu cầu đặt ra với thiết bị, phương tiện thu gom, vận chuyển cũng khác nhau như: trong các ngõ nhỏ và dài; địa hình đồi núi nhiều dốc; khu vực có nhiều sông ngòi, kênh rạch,...). Bên cạnh đó, công tác vận chuyển hiện còn gặp nhiều khó khăn do hầu hết các bãi chôn lấp chất thải thường ở xa khu dân cư đã làm tăng chi phí vận chuyển. Ngoài ra, năng lực vận chuyển của một số địa phương còn hạn chế, phương tiện vận chuyển còn thô sơ, chưa bảo đảm an toàn đã gây rò rỉ, rơi vãi chất thải trong quá trình vận chuyển.

Địa phương cũng gặp khó khăn, lúng túng trong việc xây dựng kế hoạch, lộ trình thu gom phù hợp với từng loại CTRSH sau phân loại (một số loại đặc thù như chất thải công kênh, chất thải nguy hại), đặc biệt là ở khu vực nông thôn, vùng thưa dân cư, khoảng cách giữa các điểm tập kết, trung chuyển lớn. Việc lựa chọn các khu vực tập kết và các trạm trung chuyển cũng khó khăn, hay gặp phải sự phản đối của người dân do việc tập kết và trung chuyển phát sinh mùi hôi, nước rỉ rác và thu hút côn trùng, ảnh hưởng đến môi trường. Nhiều điểm tập kết không có mái che nên khi mưa gây ướt, nước rỉ rác phát sinh ảnh hưởng đến môi trường.

c) Chú trọng giải pháp, phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nhựa

- Chính phủ đã ban hành Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT và Bộ TNMT đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT với nhiều quy định mới về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải để triển khai thống nhất trên cả nước.

- Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 phê duyệt Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia về quản lý rác thải nhựa đại dương đến năm 2030; Quyết định số 1316/QĐ-TTg ngày 22 tháng 7 năm 2021 phê duyệt Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam; Chỉ thị số 33/CT-TTg ngày 20 tháng 8 năm 2020 về tăng cường quản lý, tái sử dụng, tái chế, xử lý và giảm thiểu chất thải nhựa; Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn; Quyết định số 13/2023/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục phế liệu được phép nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất, trong đó quy định phế liệu và mẫu vụn của nhựa gồm 08 mã.

- Bộ TN&MT đã ban hành Công văn số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023 về hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH để các địa phương nghiên cứu, áp dụng trong quá trình xây dựng kế hoạch và triển khai công tác phân loại CTRSH tại địa phương. Việc phân loại CTRSH chậm nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhằm thúc đẩy tăng cường tái sử dụng, tái chế chất thải, sản phẩm thải bỏ, tận dụng tối đa giá trị, kéo dài vòng đời của sản phẩm, vật liệu; khuyến khích cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia chương trình tái chế, xử lý chất thải của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu theo quy định của Luật BVMT và các văn bản hướng dẫn thi hành (trong đó có rác thải nhựa).

- Luật BVMT năm 2020 và các văn bản dưới Luật đã có những quy định trên cơ sở coi chất thải là tài nguyên. Đồng thời, lần đầu tiên nguyên tắc phân loại đối với CTRSH đã được quy định tại Luật BVMT. Bên cạnh đó, Luật BVMT quy định trách nhiệm cụ thể của Bộ TN&MT; địa phương trong việc ban hành quy định việc quản lý, phân loại CTRSH.

- Tại khoản 4 Điều 73 Luật BVMT năm 2020 quy định: Chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật. Chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định.

- Ngoài ra, Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định hộ gia đình, cá nhân không phân loại CTRSH và không sử dụng bao bì chứa CTRSH theo quy định bị phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng.

Như vậy, với những quy định mới nêu trên, cùng với sự chung tay của các cấp, các ngành, người dân trong công tác phân loại CTRSH tại nguồn, trong thời gian tới rác thải nhựa sẽ được phân loại và là nguồn nguyên liệu có giá trị cung cấp cho các doanh nghiệp tái chế, giảm đáng kể lượng rác thải nhựa trong sinh hoạt như hiện nay.

d) Về ban hành quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật, hướng dẫn xử lý rác thải để các địa phương có cơ sở triển khai thực hiện

- Về định mức kinh tế - kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH Theo quy định tại khoản 5 Điều 79 Luật BVMT năm 2020, Bộ trưởng Bộ TN&MT có trách nhiệm xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH; quy định định mức kinh tế - kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH. Trong đó bao gồm quy trình kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH.

Thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ TN&MT đã ban hành Quyết định số 948/QĐ-BTNMT ngày 18 tháng 4 năm 2023 thành lập Tổ soạn thảo Thông tư ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH, đồng thời chỉ đạo các đơn vị có liên quan nghiên cứu, xây dựng, hoàn thiện dự thảo Thông tư. Hiện nay, Bộ TN&MT đang khẩn trương hoàn thiện dự thảo Thông tư ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH

theo ý kiến góp ý bằng văn bản của các Bộ, ngành, địa phương, dự kiến ban hành ngay trong quý 2 và quý 3 năm 2024. Bên cạnh đó, Bộ cũng đang tích cực xây dựng Thông tư ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lò đốt CTRSH, bãi chôn lấp CTRSH, dự kiến ban hành năm 2025 theo chương trình công tác đã đề ra.

- Về ban hành hướng dẫn kỹ thuật phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH

Thực hiện khoản 5 Điều 79 Luật BVMT năm 2020, Bộ TN&MT đã ban hành Công văn hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH số 9368/BTNMT-KSONMT ngày 02 tháng 11 năm 2023. Hướng dẫn kỹ thuật về phân loại CTRSH đưa ra nhận diện CTRSH phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân thành 03 nhóm chất thải chính theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật BVMT 2020 gồm: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) Chất thải thực phẩm; (3) CTRSH khác. Hướng dẫn kỹ thuật hỗ trợ địa phương xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động phân loại phát sinh từ hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn bảo đảm phù hợp với các quy định hiện hành và điều kiện thực tế của từng địa phương.

+ Bên cạnh đó, Bộ trưởng Bộ TN&MT đã ban hành Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật BVMT, trong đó đã quy định: (1) nội dung về yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với điểm tập kết, trạm trung chuyển CTRSH (Điều 26); (2) yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường đối với phương tiện vận chuyển CTRSH (Điều 27); (3) tiêu chí về công nghệ xử lý CTRSH (Điều 28); (4) giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH (Điều 29); (5) hình thức thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH theo khối lượng hoặc thể tích chất thải (Điều 30); (6) phương pháp định giá dịch vụ xử lý CTRSH áp dụng đối với nhà đầu tư và cung cấp dịch vụ xử lý CTRSH (Điều 31); (7) đóng bãi chôn lấp CTRSH sau khi kết thúc hoạt động (Điều 32).

+ Cơ sở pháp lý và thực tế cho thấy những nhân tố đảm bảo cho việc thực hiện phân loại CTRSH có ý nghĩa, hiệu quả, thành công như: bố trí mặt bằng điểm tập kết, trạm trung chuyển; quy hoạch, bố trí quỹ đất cho khu xử lý CTRSH đến bố trí kinh phí đầu tư trang thiết bị công cộng, cơ sở hạ tầng hỗ trợ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH sau khi phân loại và lựa chọn đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH đều do UBND các cấp chịu trách nhiệm theo quy định tại Luật BVMT. Đặc biệt, UBND cấp tỉnh được giao trách nhiệm: quy định chi tiết về quản lý CTRSH của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn; quy định cụ thể hình thức và mức kinh phí hộ gia đình, cá nhân phải chi trả cho công tác thu gom, vận chuyển và xử lý CTRSH dựa trên khối lượng hoặc thể tích chất thải đã được phân loại; định giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH theo quy định của pháp luật về giá (khoản 6 Điều 79 Luật BVMT năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 7 Điều 73 Luật Giá 2023, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024).

+ Để đảm bảo triển khai phân loại CTRSH theo quy định tại Luật BVMT năm 2020, UBND các cấp tại từng địa phương trên cả nước cần khẩn trương xây

dựng kế hoạch và chuẩn bị nguồn lực để từng bước công tác phân loại CTRSH đi vào thực tế.

đ) Về ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý, tái chế thân thiện môi trường, công nghệ xử lý chất thải rắn thu hồi năng lượng, giảm dần việc xử lý chất thải bằng phương pháp chôn lấp

Trong thời gian vừa qua, dưới sự lãnh đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT đã tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền nhiều văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách, thể chế trong lĩnh vực môi trường liên quan đến hoạt động phân loại, thu gom, tái chế, xử lý, quản lý CTRSH.

- Luật BVMT năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BVMT, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT với nhiều quy định mới về giảm thiểu, tái sử dụng, tái chế chất thải để triển khai thống nhất trên cả nước, cụ thể như quy định về phân loại, thu gom, tái sử dụng, tái chế chất thải; chính sách hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp, người dân đầu tư, sản xuất, sử dụng các loại vật liệu thân thiện với môi trường; khuyến khích việc tái sử dụng, tái chế chất thải.

- Tỷ lệ tái sử dụng, tái chế và xử lý CTRSH có thu hồi năng lượng đã tăng qua các năm. Một số địa phương, đặc biệt là các thành phố trực thuộc Trung ương đã bắt đầu áp dụng những công nghệ mới, tiên tiến có thu hồi năng lượng.

- Sự quan tâm của các cấp, các ngành, ý thức của người dân và của xã hội ngày một tăng đối với công tác tái chế, xử lý CTRSH.

- Nhiều dự án tái chế, xử lý CTRSH có thu hồi năng lượng đã nhận được ưu đãi, hỗ trợ theo quy định.

Theo đó, công tác quản lý CTRSH có nhiều chuyển biến tích cực, hệ thống văn bản để quản lý, thu gom, phân loại, tái chế, tái sử dụng CTRSH đã được ban hành đồng bộ. Tỷ lệ CTRSH được thu gom, tái chế liên tục tăng, tỷ lệ phải chôn lấp trực tiếp CTRSH giảm dần theo từng năm. Về cơ sở xử lý và công nghệ xử lý, hiện nay, toàn quốc có khoảng 1.456 cơ sở xử lý CTRSH, trong đó có 07 cơ sở đốt chất thải rắn phát điện; 476 cơ sở đốt CTR không phát điện, 951 cơ sở chôn lấp CTRSH. Theo số liệu năm 2019 có 70% CTRSH được chôn lấp, con số này hiện đã giảm xuống còn khoảng 64% theo số liệu của Bộ TN&MT.

e) Về cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút đầu tư đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt, như lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Bắc Hưng Hải...

- Kết quả đạt được

+ Về chỉ đạo điều hành

. Luật BVMT năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành đã đưa ra nguyên tắc tiếp cận quản lý tổng hợp theo lưu vực. Trong đó tiếp cận bảo vệ môi trường nước theo hướng quản lý dựa trên tải lượng, việc xả thải vào nguồn nước phải trên cơ sở đánh giá sức chịu tải của sông, hạn ngạch xả nước thải vào lưu vực

sông; không cho phép xả thải hoặc xả thải đáp ứng quy chuẩn nước mặt hay có phương án tuần hoàn, tái sử dụng để không làm phát sinh nước thải hay thực hiện các dự án đầu tư xử lý ô nhiễm, cải tạo, phục hồi, cải thiện chất lượng môi trường khu vực bị ô nhiễm đối với các khu vực sông không còn khả năng tiếp nhận... (Điều 7 Luật BVMT). Đối với các đô thị, khu dân cư tập trung mới; cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, cụm công nghiệp phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa; nước thải của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phải được xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; nước thải sinh hoạt phát sinh từ tổ chức, hộ gia đình phải được thu gom, xử lý tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận hoặc xử lý sơ bộ trước khi thải vào hệ thống xử lý tập trung (Điều 86 Luật BVMT). Quy định trách nhiệm của chủ nguồn thải phải xử lý đạt tiêu chuẩn trước khi xả thải ra môi trường. Giao UBND cấp tỉnh có trách nhiệm đầu tư, khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trên địa bàn thuộc trách nhiệm đầu tư của Nhà nước; ban hành lộ trình bố trí quỹ đất, đầu tư hoặc khuyến khích đầu tư xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải đô thị, khu dân cư tập trung trong trường hợp chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải; có chính sách hỗ trợ để tổ chức, hộ gia đình trong đô thị, khu dân cư tập trung xây dựng công trình, lắp đặt thiết bị xử lý nước thải tại chỗ đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường trước khi thải vào nguồn tiếp nhận trong trường hợp không bố trí được quỹ đất xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải tại khu đô thị, khu dân cư tập trung đã hình thành trước ngày Luật có hiệu lực thi hành (Điều 86 Luật BVMT). Ban hành và triển khai thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt trong đó nêu rõ các nội dung về đánh giá khả năng chịu tải, phân vùng xả thải, hạn ngạch xả nước thải; xác định mục tiêu và lộ trình giảm xả thải vào môi trường nước mặt không còn khả năng chịu tải; biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước mặt; giải pháp hợp tác, chia sẻ thông tin và quản lý ô nhiễm nước mặt xuyên biên giới; giải pháp bảo vệ, cải thiện chất lượng nước mặt (Điều 9 Luật BVMT, Điều 4 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP).

. Bộ TN&MT đã ban hành Công văn số 1068/BTNMT-TCMT ngày 24 tháng 02 năm 2023 về hướng dẫn kỹ thuật về lập kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt theo quy định của Luật BVMT.

. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chiến lược BVMT quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022), trong đó đặt ra yêu cầu cho các địa phương trong xây dựng và thực hiện kế hoạch quản lý chất lượng môi trường nước mặt đối với các sông, hồ nội tỉnh; chú trọng bảo vệ môi trường lưu vực sông, đặc biệt là các lưu vực sông Nhuệ - Đáy, sông Cầu, sông Mã, sông Vũ Gia – Thu Bồn và sông Đồng Nai, Sài Gòn; đầu tư hệ thống thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt kết hợp với cải tạo, phục hồi các hồ ao, kênh mương ở các đô thị lớn; thực hiện các dự án xử lý nước thải, khôi phục lại các đoạn sông, kênh, rạch đã bị ô nhiễm nghiêm trọng như sông Tô Lịch, Sét... (Hà Nội), kênh Tân Hóa - Lò Gốm, Tàu Hũ - Bến Nghé, rạch Xuyên Tâm...

(Thành phố Hồ Chí Minh), v.v...

. Bộ TN&MT, Bộ Xây dựng đã chỉ đạo, đôn đốc các địa phương kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải, yêu cầu chủ nguồn thải thực hiện xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường, tăng cường công tác đánh giá tác động môi trường, đầu tư hạ tầng thu gom, xử lý nước thải đô thị. Triển khai đồng bộ các giải pháp huy động nguồn lực, đầu tư, xây dựng và vận hành hạ tầng thoát nước, thu gom nước thải sinh hoạt (tách nước thải và nước mưa), xây dựng và vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung; có các biện pháp, giải pháp xử lý tại nguồn đối với nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, chế biến nông lâm thủy hải sản, các làng nghề; cải tạo và phục hồi các hệ sinh thái ao hồ, nước mặt.

+ Về thanh, kiểm tra:

. Công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT đối với các cơ sở có xả thải ra các lưu vực sông như hệ thống sông Nhuệ- Đáy, hệ thống Bắc Hưng Hải đã được đẩy mạnh; các cơ sở được thanh tra, kiểm tra có hành vi vi phạm hành chính về BVMT đã được phát hiện và xử lý nghiêm theo quy định; nhóm hành vi vi phạm chủ yếu là: xả nước thải vượt quy chuẩn cho phép; vi phạm quy định về xây lắp công trình BVMT, đặc biệt là công trình xử lý nước thải; vi phạm các quy định về thực hiện báo cáo, các thủ tục môi trường. Công tác này đã bước đầu lan tỏa đến cấp quận, huyện và cấp xã, phường; khuyến khích việc phát hiện, tố giác các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT.

- Những vấn đề còn tồn tại, hạn chế trong thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, chỉ tiêu nêu tại Nghị quyết và trách nhiệm của người đứng đầu

Việc tổ chức thực thi các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý lưu vực sông chưa đầy đủ, toàn diện; việc triển khai các Đề án về BVMT lưu vực sông (LVS), các Quy hoạch hệ thống thoát nước và xử lý nước thải (XLNT) khu vực dân cư, khu công nghiệp (KCN) và Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên LVS; Dự án bổ cập, tiêu thoát nước trên LVS... tại các Bộ, ngành và địa phương chưa quyết liệt và đúng mức.

Việc triển khai xây dựng các nhiệm vụ, dự án cụ thể tại các địa phương còn thiếu nguồn lực. Việc triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật môi trường là yếu tố quyết định, nhưng chưa được đầu tư thỏa đáng. Nhiều địa phương chưa chủ động bố trí kinh phí từ nguồn ngân sách địa phương để thực hiện các nhiệm vụ, dự án thuộc các Đề án BVMT LVS.

Do chưa có cơ chế tài chính đặc thù dành cho các dự án xử lý, khắc phục ô nhiễm tại các LVS, các địa phương chưa có thống kê chính xác về nguồn lực đầu tư cho công tác BVMT LVS. Hầu hết các dự án sử dụng kinh phí từ các nguồn khác nhau thuộc các chương trình, nhiệm vụ liên quan đến đầu tư, cải tạo hệ thống thủy lợi, chống lụt, trồng rừng, xây dựng hạ tầng giao thông, do đó rất khó bóc tách kinh phí phân bổ cụ thể cho các hạng mục BVMT. Ngay cả nguồn kinh phí sự nghiệp BVMT cũng chưa làm rõ được bao nhiêu % sử dụng cho các công trình, dự án khắc phục ô nhiễm, cải thiện môi trường LVS. Nhiều dự án xây dựng nhà

máy XLNT, nhà máy xử lý chất thải rắn đã được các địa phương liệt kê, tuy nhiên, cũng chưa có số liệu về mức đầu tư cũng như kinh phí đã phân bổ.

Năng lực của các cơ quan quản lý về môi trường tại các địa phương thuộc LVS còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về sự gia tăng ô nhiễm. Các địa phương chưa thống kê, kiểm soát được đầy đủ các nguồn thải thuộc địa bàn, vì vậy chưa xác định được nhiệm vụ trọng tâm trong công tác giám sát, quản lý. Công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật về BVMT còn chưa quyết liệt, triệt để.

Trong quá trình phát triển kinh tế, ý thức chấp hành pháp luật về BVMT của các doanh nghiệp còn hạn chế. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ các đô thị, làng nghề, KCN, cụm công nghiệp, khu dịch vụ xả nước thải không qua xử lý hoặc xử lý chưa đạt yêu cầu của quy chuẩn kỹ thuật đã dẫn đến tình trạng ô nhiễm môi trường nước diễn biến phức tạp, tồn tại kéo dài qua nhiều năm, đặc biệt trong những tháng mùa khô.

Vai trò của cộng đồng trong việc tham gia công tác BVMT chưa được phát huy mạnh mẽ.

- Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Nguyên nhân gây ô nhiễm các hệ thống sông hồ ở Việt Nam chủ yếu do nguồn thải từ các hoạt động công nghiệp, nông nghiệp và sinh hoạt có các chất ô nhiễm nhưng chưa được xử lý đúng mức. Các cơ sở công nghiệp và các khu công nghiệp xả thải chất thải, nước thải chứa các chất, thành phần gây ô nhiễm vào sông làm suy giảm nghiêm trọng chất lượng nước và đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, các hoạt động sản xuất nông nghiệp, sử dụng phân bón hóa học và thuốc trừ sâu cũng gây nhiễm nước sông từ các dòng chảy tràn. Nước thải sinh hoạt từ các khu dân cư, dịch vụ cũng góp phần làm tăng mức độ ô nhiễm nước trong LVS, đặc biệt là các thành phần chất hữu cơ và dinh dưỡng.

Các nguyên nhân chính gây ra vấn đề ô nhiễm môi trường LVS:

+ Kiểm soát, xử lý nước thải tại nguồn chưa đáp ứng yêu cầu BVMT, vẫn còn một khối lượng lớn nước thải chưa được xử lý và bị thải trực tiếp ra môi trường.

+ Nguồn lực về BVMT chưa đáp ứng yêu cầu, thiếu nguồn lực tài chính, cơ chế đột phá huy động nguồn lực tài chính cho BVMT.

+ Các LVS chịu tác động bởi biến đổi khí hậu (khô hạn, xâm nhập mặn).

+ Các dự án thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường vẫn còn xu hướng đầu tư vào LVS. Năng lực phòng ngừa, ứng phó với sự cố môi trường của các doanh nghiệp ở một số địa phương còn nhiều bất cập.

- Giải pháp, kiến nghị và cam kết thực hiện trong thời gian tới đối với những nội dung chưa hoàn thành theo Nghị quyết

+ Chính phủ đã chỉ đạo Bộ TN&MT thực hiện xây dựng Kế hoạch quản lý

chất lượng nước mặt đối với sông Cầu, sông Nhuệ - Đáy, sông Đông Nai, dự kiến trình Thủ tướng Chính phủ ban hành trong năm 2025.

+ Bộ TN&MT đã trình Thủ tướng Chính phủ Chỉ thị về các giải pháp cấp bách tăng cường công tác kiểm soát và xử lý ô nhiễm môi trường nước một số lưu vực sông tại Tờ trình số 53/TTr-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2024, theo đó đề ra các giải pháp cấp bách chung (đối với tất cả các lưu vực sông) nhằm đạt mục tiêu đến ngày 31/12/2025, tập trung vào 03 nhóm giải pháp: (i) kiểm soát nguồn thải; (ii) xử lý chất thải, trong đó quan trọng nhất là nước thải sinh hoạt; và (iii) tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước của các Bộ, ngành, địa phương; chỉ đạo thực hiện các giải pháp cụ thể đối với lưu vực sông; trong đó có các cơ chế chính sách nhằm đẩy nhanh việc cải tạo, phục hồi các lưu vực sông bị suy thoái, ô nhiễm, cạn kiệt.

+ UBND các tỉnh, thành phố khẩn trương:

. Hoàn thành đúng tiến độ các dự án, nhiệm vụ bảo vệ môi trường lưu vực sông đã được phê duyệt.

. Tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, theo dõi diễn biến chất lượng nước, cảnh báo, xử lý kịp thời các vi phạm xả thải và sự cố ô nhiễm nguồn nước trên địa bàn quản lý.

. Xây dựng các dự án thu gom, xử lý nước thải tập trung đối với nước thải sinh hoạt từ khu dân cư, làng nghề, khu, cụm công nghiệp; xác định các dự án xử lý nước thải sinh hoạt đô thị, khu dân cư tập trung ưu tiên để kêu gọi, thu hút đầu tư; chủ động đề xuất các giải pháp, phương án, cơ chế chính sách hỗ trợ để thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt đối với khu vực dân cư phân tán.

. Điều tra, thống kê, phân công, phân cấp kiểm soát chặt chẽ tất cả các nguồn thải vào lưu vực sông, không để phát sinh các điểm nóng về ô nhiễm môi trường LVS thuộc địa bàn quản lý.

g) Về đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT, nhất là trong lĩnh vực quản lý rác thải, thực hiện phân loại rác thải tại nguồn

Công tác truyền thông, nâng cao nhận thức về BVMT, nhất là trong lĩnh vực quản lý rác thải, thực hiện phân loại rác thải tại nguồn được Chính phủ chỉ đạo Bộ TN&MT quan tâm triển khai, cụ thể:

- Triển khai các đợt tập huấn tuyên truyền, hướng dẫn tại các vùng, miền; tổ chức các buổi làm việc trực tiếp và trực tuyến với 18 địa phương. Tổ chức triển khai 03 mô hình về phân loại CTRSH tại nguồn tại các tỉnh Lâm Đồng, Nghệ An, Bạc Liêu. Tổ chức các cuộc hội thảo tham vấn, tuyên truyền về phân loại CTRSH tại nguồn, định mức kinh tế - kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý CTRSH. Làm việc với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam về công tác phối hợp trong tuyên truyền, vận động hộ gia đình, cá nhân phân loại CTRSH. Ngày 28 tháng 3 năm 2024 đã tổ chức ký kết Quy chế phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam, dự kiến tiếp tục làm việc, tổ chức ký kết với Hội Nông dân Việt Nam.

- Xây dựng các tài liệu, sổ tay hướng dẫn phân loại; tổ chức 07 Hội nghị tuyên truyền, 01 Diễn đàn các doanh nghiệp; tổ chức cuộc thi về sáng kiến, giải pháp, mô hình giảm thiểu và xử lý CTRSH trên toàn quốc. Tăng cường tuyên truyền, phổ biến Luật BVMT trên các phương tiện truyền thông đại chúng, hệ thống thông tin cơ sở, báo chí,... Xây dựng phim tư liệu giới thiệu, tuyên truyền về các phong trào, mô hình điển hình bảo vệ môi trường có sự tham gia của cộng đồng tại 03 khu vực phía Bắc, khu vực miền Trung và Tây Nguyên và khu vực phía Nam gửi các Đài Truyền hình và Phát thanh địa phương; gửi các Đài Truyền hình và Phát thanh để phát sóng; gửi các Sở TN&MT, các tổ chức chính trị - xã hội các tỉnh, thành phố làm tư liệu tập huấn cho các cộng đồng dân cư tham gia mô hình, phong trào bảo vệ môi trường.

- Thực hiện 12 chuyên đề về CTRSH/năm; xây dựng và triển khai chuyên mục “Quản lý chất thải rắn” trên báo điện tử; ngoài ra, còn thực hiện hơn 350 tin, bài, video clip tuyên truyền về CTRSH. Tổ chức hàng chục tọa đàm, hội thảo trực tuyến...

Trong thời gian tới, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ TN&MT sẽ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các bộ, ngành, địa phương, các cơ quan truyền thông tăng cường đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức về BVMT, nhất là trong lĩnh vực quản lý rác thải, thực hiện phân loại rác thải tại nguồn.

Trên đây là Báo cáo của Chính phủ về việc triển khai Nghị quyết số 499/NQ-UBTVQH15 ngày 28 tháng 3 năm 2022 về hoạt động chất vấn tại Phiên họp thứ 9 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV lĩnh vực tài nguyên và môi trường, Chính phủ trân trọng báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội./.

TM. CHÍNH PHỦ
TU. THỦ TƯỚNG
BỘ TRƯỞNG
BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTgCP, các PTTg;
- Hội đồng Dân tộc;
- Ủy ban Kinh tế của QH;
- Ủy ban Khoa học, CN và MT của QH;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, các Vụ: TH, QHĐP;
- Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, NN (b).

(Đã ký)

Đặng Quốc Khánh